

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN**

Trụ sở chính: 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: (0256) 3892363 Fax: (0256) 3891783

Mã chứng khoán: QNP

Người thực hiện công bố thông tin: Phan Tuấn Linh - Tổng Giám đốc

Nội dung thông tin công bố:

Kết quả họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Thời điểm tổ chức Đại hội ngày 27/6/2022, Địa điểm: sảnh La Rose, tầng M, khách sạn Fleur De Lys Quy Nhơn - Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Huệ, Phường Lê Lợi, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;

- Các quyết định được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông bao gồm: Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Ngày 27/6/2022 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã công bố thông tin trên tại địa chỉ website: <http://quynhonport.vn/> mục “Quan hệ cổ đông”.

Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn xin được Công bố thông tin trên đến Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước được biết và thực hiện công bố thông tin ra công chúng theo quy định hiện hành;

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu kèm theo:



Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần cảng Quy Nhơn và các Báo cáo và Tờ trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phan Tuấn Linh



Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

- **Tên Công ty** : Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
- **Trụ sở chính** : Trụ sở Số 02 Phan Chu Trinh, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
- **Điện thoại** : (0256) 3892 363 **Fax:** (0256) 3891 783
- **Mã số doanh nghiệp** : 4100258793, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 25/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01/07/2019
- **Thời gian** : 08 giờ 00 ngày 27 tháng 6 năm 2022
- **Địa điểm** : Sân La Rose, tầng M, khách sạn Fleur De Lys Quy Nhơn (Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Huệ, Phường Lê Lợi, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định)

PHẦN 1

GIỚI THIỆU – KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

Ông Châu Văn Hùng – Trình bày Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 29/03/2022, sở hữu 40.409.950 cổ phần có quyền biểu quyết của CTCP Cảng Quy Nhơn.
- Lúc 8h00', số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm **32** cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho **32.576.315** cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm **80,6146%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CTCP Cảng Quy Nhơn.

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Cảng Quy Nhơn, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của CTCP Cảng Quy Nhơn đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Thông báo danh sách Đoàn chủ tọa

Nhân sự Đoàn chủ tọa như sau:

- Ông Phạm Anh Tuấn – Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội
- Ông Đỗ Hùng Dương – Thành viên HĐQT – Thành viên
- Ông Phan Tuấn Linh – Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT – Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

3. Chủ tọa giới thiệu Thư ký Đại hội gồm:

- Ông Trịnh Quang Lâm – Trưởng ban Thư ký
- Bà Trần Thị Hồng Hạnh – Thành viên

4. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu:

Nhân sự Ban kiểm phiếu như sau:

- Ông Châu Văn Hùng – Trưởng Ban
- Ông Bà Trần Thị Hồng Hạnh – Thành viên
- Ông Trần Quang Cần – Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban kiểm phiếu.

5. Thông qua Chương trình Đại hội

Ông Phan Tuấn Linh trình bày nội dung Chương trình tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

6. Thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội

Ông Nguyễn Thành Nam trình bày Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

(hình thức biểu quyết các nội dung này là biểu quyết công khai)

100
CỘ
CỘ
C.
LUY
NH

PHẦN 2

NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Đại hội nghe trình bày những nội dung sau:

Nội dung 01: Báo cáo của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động năm 2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022

Người trình bày: Ông Nguyễn Quý Hà

Nội dung 02: Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Người trình bày: Ông Lê Duy Dương

Nội dung 03: Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Người trình bày: Bà Dương Thị Hồng Hạnh

Nội dung 04: Báo cáo tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn

Người trình bày: Ông Võ Huy Quang

Nội dung 05: Báo cáo tiến độ niêm yết chứng khoán Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Người trình bày: Ông Lê Duy Dương

Nội dung 06: Báo cáo việc chuyển đổi Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp – chi nhánh CTCP Cảng Quy Nhơn thành Công ty TNHH MTV

Người trình bày: Ông Lê Duy Dương

Nội dung 07: Tờ trình về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

Người trình bày: Ông Nguyễn Kim Toàn

Nội dung 08: Tờ trình về việc Thông qua phương án Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch cổ tức năm 2022

Người trình bày: Ông Nguyễn Kim Toàn

Nội dung 09: Tờ trình Phê duyệt tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý chuyên trách năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Người trình bày: Ông Châu Văn Hùng

Nội dung 10: Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Người trình bày: Bà Vũ Thị Diệp

Nội dung 11: Tờ trình về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Hải

Nội dung 12: Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Hải

Nội dung 13: Tờ trình về việc Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Hải

Nội dung 14: Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Hải

Nội dung 15: Tờ trình về việc Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023

Người trình bày: Ông Nguyễn Tuấn Hải

PHẦN 3

THẢO LUẬN

Sau khi nghe Ban lãnh đạo Công ty trình bày các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp đã thống nhất cao đối với các Báo cáo, Tờ trình của Ban lãnh đạo Công ty và không có câu hỏi, ý kiến đóng góp, bổ sung thêm.

9/1
T
A
C
H
1
1
1

PHẦN 4

BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC NỘI DUNG

(*hình thức biểu quyết là bỏ phiếu kín*)

Trước khi biểu quyết, lúc 10 giờ 40 phút, số lượng đại biểu tham dự Đại hội gồm 35 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 32.714.915 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 80,9576% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của CTCP Cảng Quy Nhơn.

Nội dung 1: Báo cáo của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động năm 2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 32 phiếu	- Số cổ phần: 31.962.269 cp	- Tỷ lệ: 97,6994% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 phiếu	- Số cổ phần: 0 cp	- Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 1 phiếu	- Số cổ phần: 746.046 cp	- Tỷ lệ: 2,2804% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu	- Số cổ phần: 0 cp	- Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động năm 2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022.

Nội dung 02: Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 30 phiếu	- Số cổ phần: 31.924.503 cp	- Tỷ lệ: 97,5839% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 phiếu	- Số cổ phần: 0 cp	- Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 3 phiếu	- Số cổ phần: 783.812 cp	- Tỷ lệ: 2,3959% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu	- Số cổ phần: 0 cp	- Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Nội dung 03: Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 31 phiếu	- Số cổ phần: 31.957.969 cp	- Tỷ lệ: 97,6862% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 phiếu	- Số cổ phần: 0 cp	- Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 1 phiếu - Số cổ phần: 746.046 cp - Tỷ lệ: 2,2804% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 1 phiếu - Số cổ phần: 4.300 cp - Tỷ lệ: 0,0131% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Nội dung 04: Báo cáo tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 31 phiếu - Số cổ phần: 31.954.503 cp - Tỷ lệ: 97,6756% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 2 phiếu - Số cổ phần: 753.812 cp - Tỷ lệ: 2,3042% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn.

Nội dung 05: Báo cáo tiến độ niêm yết chứng khoán Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 31 phiếu - Số cổ phần: 31.932.269 cp - Tỷ lệ: 97,6077% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 1 phiếu - Số cổ phần: 30.000 cp - Tỷ lệ: 0,0917% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 1 phiếu - Số cổ phần: 746.046 cp - Tỷ lệ: 2,2804% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo tiến độ niêm yết chứng khoán Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Nội dung 06: Báo cáo việc chuyển đổi Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp – chi nhánh CTCP Cảng Quy Nhơn thành Công ty TNHH MTV

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 32 phiếu - Số cổ phần: 32.700.549 cp - Tỷ lệ: 99,9561% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 1 phiếu - Số cổ phần: 7.766 cp - Tỷ lệ: 0,0237% CPBQ dự họp



Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Báo cáo việc chuyển đổi Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp – chi nhánh CTCP Cảng Quy Nhơn thành Công ty TNHH MTV.

Nội dung 07: Tờ trình về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 32 phiếu - Số cổ phần: 31.962.269 cp - Tỷ lệ: 97,6994% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 1 phiếu - Số cổ phần: 746.046 cp - Tỷ lệ: 2,2804% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021.

Nội dung 08: Tờ trình về việc Thông qua phương án Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch cổ tức năm 2022

Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 32 phiếu - Số cổ phần: 31.962.269 cp - Tỷ lệ: 97,6994% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 1 phiếu - Số cổ phần: 746.046 cp - Tỷ lệ: 2,2804% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Thông qua phương án Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch cổ tức năm 2022.

Nội dung 09: Tờ trình Phê duyệt tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý chuyên trách năm 2021 và kế hoạch năm 2022

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 30 phiếu - Số cổ phần: 31.924.503 cp - Tỷ lệ: 97,5839% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 3 phiếu - Số cổ phần: 783.812 cp - Tỷ lệ: 2,3959% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp



Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình Phê duyệt tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý chuyên trách năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Nội dung 10: Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 31 phiếu - Số cổ phần: 31.932.269 cp - Tỷ lệ: 97,6077% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 2 phiếu - Số cổ phần: 776.046 cp - Tỷ lệ: 2,3721% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Nội dung 11: Tờ trình về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 33 phiếu - Số cổ phần: 32.708.315 cp - Tỷ lệ: 99,9798% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Nội dung 12: Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 31 phiếu - Số cổ phần: 31.932.269 cp - Tỷ lệ: 97,6077% CPBQ dự họp

Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Số phiếu không ý kiến: 2 phiếu - Số cổ phần: 776.046 cp - Tỷ lệ: 2,3721% CPBQ dự họp

Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Nội dung 13: Tờ trình về việc Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 31 phiếu - Số cổ phần: 31.932.269 cp - Tỷ lệ: 97,6077% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 2 phiếu - Số cổ phần: 776.046 cp - Tỷ lệ: 2,3721% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Nội dung 14: Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 30 phiếu - Số cổ phần: 31.924.503 cp - Tỷ lệ: 97,5839% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 3 phiếu - Số cổ phần: 783.812 cp - Tỷ lệ: 2,3959% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Nội dung 15: Tờ trình về việc Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 31 phiếu - Số cổ phần: 31.932.269 cp - Tỷ lệ: 97,6077% CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 2 phiếu - Số cổ phần: 776.046 cp - Tỷ lệ: 2,3721% CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu - Số cổ phần: 0 cp - Tỷ lệ: 0,0000% CPBQ dự họp

Như vậy, Đại hội đã thông qua Tờ trình về việc Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023.

KẾT QUẢ BẦU CỬ:

1. Danh sách trúng cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023 Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chi tiết như sau:

– Ông Nguyễn Thành Nam

Số phiếu tán thành: 29 phiếu đại diện cho: 32.777.355 phiếu bầu, chiếm: 100,1909%
Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

– **Ông Lê Hồng Quân**

Số phiếu tán thành: **25** phiếu đại diện cho: **32.558.687** phiếu bầu, chiếm: **99,5225%**
Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

2. Danh sách trúng cử Thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023 Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chi tiết như sau:

– **Bà Phan Thị Mai**

Số phiếu tán thành: **31** phiếu đại diện cho: **32.668.021** phiếu bầu, chiếm: **99,8567%**
Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

PHẦN 5

THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP

Ông Trịnh Quang Lâm - Thư ký Đại hội đọc Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

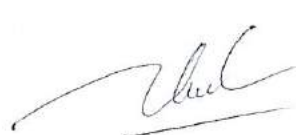
Ông Trịnh Quang Lâm - Thư ký Đại hội đọc Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Đại hội biểu quyết thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 với 100% số phiếu tán thành.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của CTCP Cảng Quy Nhơn kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 27/6/2022.

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Trịnh Quang Lâm



Trần Thị Hồng Hạnh

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Phạm Anh Tuấn



Số: 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông ngày 27/6/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Ngày 27/6/2022, tại Sảnh La Rose, tầng M, khách sạn Fleur De Lys Quy Nhơn (Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Huệ, Phường Lê Lợi, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định), Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được tổ chức với sự tham gia của 35 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 32.714.915 cổ phần chiếm 80,9576% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động năm 2021 và Phương hướng hoạt động năm 2022

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 31.962.269 Cổ phần chiếm 97,6994% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 746.046 Cổ phần chiếm 2,2804% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 31.924.503 Cổ phần chiếm 97,5839% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 783.812 Cổ phần chiếm 2,3959% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.



Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 31.957.969 Cổ phần chiếm 97,6862% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 746.046 Cổ phần chiếm 2,2804% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 31.954.503 Cổ phần chiếm 97,6756% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 753.812 Cổ phần chiếm 2,3042% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 5: Thông qua Báo cáo tiến độ niêm yết chứng khoán Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 31.932.269 Cổ phần chiếm 97,6077% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 30.000 Cổ phần chiếm 0,0917% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 746.046 Cổ phần chiếm 2,2804% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 6: Thông qua Báo cáo việc chuyển đổi Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp – chi nhánh CTCP Cảng Quy Nhơn thành Công ty TNHH MTV

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 32.700.549 Cổ phần chiếm 99,9561% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 7.766 Cổ phần chiếm 0,0237% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 7: Thông qua Tờ trình về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 31.962.269 Cổ phần chiếm 97,6994% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 746.046 Cổ phần chiếm 2,2804% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình về việc Thông qua phương án Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch cổ tức năm 2022

Phản biểu quyết:

- Tán thành: 31.962.269 Cổ phần chiếm 97,6994% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 746.046 Cổ phần chiếm 2,2804% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 9: Thông qua Tờ trình Phê duyệt tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ quản lý chuyên trách năm 2021 và kế hoạch năm 2022

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 31.924.503 Cổ phần chiếm 97,5839% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 783.812 Cổ phần chiếm 2,3959% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 10: Thông qua Tờ trình về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 31.932.269 Cổ phần chiếm 97,6077% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 776.046 Cổ phần chiếm 2,3721% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 11: Thông qua Tờ trình về việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 32.708.315 Cổ phần chiếm 99,9798% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 12: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 31.932.269 Cổ phần chiếm 97,6077% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 776.046 Cổ phần chiếm 2,3721% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 13: Thông qua Tờ trình về việc bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2018 – 2023

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 31.932.269 Cổ phần chiếm 97,6077% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 776.046 Cổ phần chiếm 2,3721% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 14: Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 31.924.503 Cổ phần chiếm 97,5839% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 783.812 Cổ phần chiếm 2,3959% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

Nội dung 15: Thông qua Tờ trình về việc Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 31.932.269 Cổ phần chiếm 97,6077% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không có ý kiến: 776.046 Cổ phần chiếm 2,3721% số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

KẾT QUẢ BẦU CỬ

Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ bầu cử
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT	100,1909%
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên HĐQT	99,5225%
BAN KIỂM SOÁT		
Bà Phan Thị Mai	Thành viên BKS	99,8567%

Nghị quyết được ĐHĐCĐ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- HĐQT Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu: NPTQT Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Anh Tuấn

Số: 1457QNP-HĐQT

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG
NĂM 2022**

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022
của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 09/6/2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 09/6/2021,

Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022 như sau:

PHẦN I

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

I. Kết quả thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các giải pháp để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh, đầu tư đã đề ra, cụ thể như sau:

1.1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021

TT	Chỉ tiêu	DVT	Kế hoạch năm 2021	TH năm 2021	So sánh TH 2021/2020	Tỷ lệ đạt KH năm 2021
1	Sản lượng TQ	Triệu tấn	10.2	11,37	103%	111%
	<i>Trong đó: SL container</i>	1.000 Teus	230	160	88%	70%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	886.500	1.331.470	156%	150%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	160.000	413.450	282%	258%

Kế hoạch đầu tư năm 2021 đã được Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua ngày 09/6/2021 với tổng giá trị là 213,8 tỷ đồng, giá trị thực hiện đầu tư gần 70 tỷ đồng. Nguyên nhân: Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh covid 19 diễn

biến phức tạp, nhiều địa phương, trong đó tỉnh Bình Định chịu ảnh hưởng rất lớn từ dịch bệnh, phải thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài nên đã ảnh hưởng đến quá trình triển khai các dự án.

Cơ cấu mặt hàng khai thác trong năm 2021 có sự thay đổi đã phần nào ảnh hưởng đến kế hoạch triển khai các dự án. Do đó, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo tập trung triển khai các dự án trực tiếp phục vụ ngay cho sản xuất kinh doanh như các hạng mục, dự án phục vụ cho mặt hàng thiết bị điện gió,... (Chi tiết như kế hoạch SXKD, đầu tư năm 2022).

1.2. Chỉ tiêu tài chính năm 2021

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối kỳ 2021 (31/12/2021)	Số đầu năm (31/12/2020)
1. Tổng Tài sản	đồng	1,053,912	746,848
2. Nợ phải trả	Tr. đồng	210,671	128,852
3. Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	843,241	617,996
4. Lợi Nhuận sau thuế	Tr. đồng	330,872	117,224
4. LN sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	31%	16%
5. LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	39%	19%
6. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	25%	21%

Đánh giá chung tình hình tài chính của doanh nghiệp trong năm 2021 là ổn định. Các chỉ số tài chính cơ bản đều ở ngưỡng an toàn. Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý vốn và tài sản, bảo toàn vốn chủ sở hữu.

2. Về kết quả trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2020

- Công ty đã thực hiện đầy đủ việc trích lập các quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành năm 2020 theo đúng quy định ĐHĐCĐ năm 2021 đã phê duyệt.

- Về việc chi trả cổ tức năm 2020: Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2020 với mức đã được ĐHĐCĐ thông qua là 17% /1 cổ phiếu; Hình thức chi trả cổ tức: bằng tiền và đã thực hiện chi trả vào ngày 10/11/2021.

3. Về chi trả thù lao HĐQT và BKS: Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS đúng mức mà ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua, với tổng số tiền là: 516.000.000 đồng (Năm trăm mười sáu triệu đồng).

Trong đó:

- Tổng mức thù lao đã chi cho TVHĐQT không chuyên trách là: 324.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng);

- Tổng mức thù lao đã chi cho BKS là: 192,000,000 đồng (Một trăm chín mươi

hai triệu đồng)

4. Về việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021: Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT đã chọn Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) là đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính riêng và hợp nhất 6 tháng đầu năm và Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

5. Về dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1- Cảng Quy Nhơn

Thực Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua chủ trương đầu tư dự án nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn có báo cáo tình hình thực hiện Dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

II. Các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 9 cuộc họp (trực tiếp, trực tuyến) và 79 lần lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng. Nội dung các cuộc họp đều mang tính thời sự và thiết thực, kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong các phiên họp, các thành viên HĐQT đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao. Tùy vào chương trình nội dung cuộc họp mà HĐQT có thể mời Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác tham dự để giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia và thảo luận của Ban Kiểm soát. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức.

2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong kỳ, HĐQT đã ban hành 89 Nghị quyết và 66 quyết định. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trước khi ban hành đều được nhất trí tán thành của các thành viên HĐQT, tuân thủ theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty cũng như Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; việc lấy ý kiến bằng văn bản đều được thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định Pháp luật có liên quan. Về cơ bản, HĐQT đã quyết định các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của nhà nước và tình hình kinh tế khu vực. Năm 2021, HĐQT đã có những quyết định trong quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như:

- Triệu tập và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện năm 2020 và thông qua kế hoạch tiền lương năm 2021;
- Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông trong năm 2020;
- Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty và phối hợp với Ban Kiểm soát tiếp tục duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ của Công ty, HĐQT đã ban hành nhiều văn bản cũng như Quy chế quản lý công ty để đưa các hoạt động của

Công ty đi vào nề nếp dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể đã Ban hành các Quy chế Quản lý tài chính, Quy chế Thi đua – Khen thưởng, Quy chế Quản lý Dự án đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

- Thống nhất về chủ trương, chính sách của Công ty trong các hoạt động quản lý, điều hành, sản xuất kinh doanh, đầu tư, chế độ lương của người lao động cho phù hợp với thực tiễn của Công ty và chính sách nhà nước hiện hành.

3. Kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT

Trong năm 2021, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT vì lợi ích của các cổ đông và vì sự phát triển của Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo Quyết định phân công nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

4. Báo cáo về danh sách người có liên quan; các giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: đã được Công ty công bố thông tin tại Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2021 và đăng tải tại website công ty: www.quynhonport.vn

5. Hoạt động giám sát của HĐQT:

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các công việc:

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát hoạt động đối với Tổng Giám đốc và các Phòng ban, Đơn vị trực thuộc Công ty trong việc điều hành hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 09/6/2021.

- HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế, kế hoạch phương án ứng phó với dịch Covid19 để có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực, phương tiện thiết bị cho hoạt động sản xuất của Công ty;

- Giám sát và có những chỉ đạo định hướng hỗ trợ kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc thông qua việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, đầu tư, tổ chức bộ máy và các vấn đề quan trọng khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị, phù hợp với các Quy chế, quy định hiện hành của Công ty và Pháp luật.

- Giám sát việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 đã thông qua. HĐQT thường xuyên xem xét, đánh giá các nội dung thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, HĐQT và các Quyết định HĐQT đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện, có biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng giám đốc đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty. Theo dõi việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều

lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước trong các mặt hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

- Việc cung cấp thông tin và báo cáo cho các thành viên HĐQT không điều hành được thực hiện thường xuyên và đầy đủ bằng văn bản, điện thoại, email về tình hình hoạt động của Công ty để thống nhất ý kiến chỉ đạo và ra các Quyết định phục vụ kịp thời cho công việc chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021 phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật. Thích ứng phù hợp với diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh Covid19 từng thời điểm, giai đoạn.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc có tinh thần trách nhiệm và tinh thần hợp tác tốt.

Đánh giá chung: Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cũng như các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

a. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động Công ty:

Trong năm qua, Ban TGD Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2021 đề ra. Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm và theo dõi sát tình hình từ công tác nội bộ đến công tác đối ngoại, đồng thời, chỉ đạo và giải quyết hợp lý trong từng trường hợp, từng thời điểm. Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo, đề xuất nhiều vấn đề, phương hướng quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp để hạn chế những bất lợi của tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2021 của Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động và chấp hành tốt các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty trong quá trình điều hành hoạt động.

Việc Công bố thông tin theo quy định được Công ty thực hiện tốt đảm bảo các thông tin được công bố đúng thời hạn, chính xác, minh bạch, đầy đủ.

Mối quan hệ quản trị - điều hành doanh nghiệp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty luôn phối hợp chặt chẽ và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ và các Quy

chế về quản trị Công ty.

b. Đánh giá đối với bộ máy điều hành của Công ty:

Bộ máy điều hành Công ty đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao để tham mưu cho Tổng giám đốc trong việc sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của Công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động và đem đến lợi ích cho các cổ đông.

Tập thể người lao động trong Công ty luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, thực hiện tốt chủ trương thực hành tiết kiệm chống lãng phí; nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần vào thành công chung của Công ty

c. Đánh giá đối với Người đại diện phần vốn của Cảng Quy Nhơn tại Doanh nghiệp khác:

Người đại diện phần vốn của Cảng Quy Nhơn tại các Công ty liên kết cơ bản đã hoàn thành nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Công ty.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022

Căn cứ vào công tác điều tra, khảo sát, phân tích thị trường, tình hình kế hoạch hàng hóa của các chủ hàng thông qua cảng năm 2021; mức độ cạnh tranh của các cảng trong khu vực, dự kiến cơ cấu sản lượng hàng hóa năm 2022 và đặc điểm tình hình phát triển kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng tại địa phương và khu vực;

Tình hình dịch bệnh covid-19 tuy diễn biến phức tạp trên toàn cầu từ năm 2020 và đã được kiểm soát, thích ứng trong tình hình mới nhưng chưa có dấu hiệu kết thúc. Dự báo năm 2022 sẽ là một năm khó khăn cho Công ty trong việc thực hiện hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, kế hoạch năm 2022. Hội đồng quản trị cùng với Ban Tổng giám đốc và tập thể CBCNV tiếp tục nỗ lực hơn nữa trong công tác quản trị, điều hành phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao trong năm 2022, với kế hoạch và định hướng sau:

1. Mục tiêu tổng quát:

- Giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có; Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường, tình hình dịch bệnh Covid-19 để chủ động tìm kiếm các giải pháp đột phá trong sản xuất kinh doanh nhằm hạn chế tối đa thiệt hại và đảm bảo hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

- Làm tốt công tác quản trị, điều hành; Chủ động nguồn lực tài chính, bảo toàn vốn chủ sở hữu.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất và quản lý nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng năng suất lao động.

2. Mục tiêu cụ thể:

HDQT thống nhất một số chỉ tiêu chính trong kế hoạch kinh doanh năm 2022 báo cáo và trình ĐHĐCĐ năm 2022 xem xét thông qua gồm các chỉ tiêu sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/TH 2021
1	Sản lượng	Triệu tấn	11,37	10,2	90%
	<i>Trong đó: sản lượng container</i>	<i>1.000 Teus</i>	<i>160</i>	<i>200</i>	<i>125%</i>
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.331.470	1.000.000	75,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	413.450	190.000	46%

Kế hoạch đầu tư năm 2022: Kế hoạch đầu tư trong năm 2022 là 367,8 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản gần 300 tỷ đồng, đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị là 42,9 tỷ đồng, đầu tư công nghệ thông tin 13 tỷ đồng, Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật 11,9 tỷ đồng (Chi tiết như kế hoạch SXKD năm 2022).

3. Giải pháp để hoàn thành kế hoạch

Để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 cần tập trung xây dựng và triển khai các giải pháp sau đây:

3.1. Tập trung công tác phát triển thị trường, giữ vững và ổn định thị phần khách hàng hiện có, thu hút thêm khách hàng mới.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh; phối hợp với các đơn vị khác trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam, thực hiện các dịch vụ chuỗi trên cơ sở tích hợp thế mạnh của ba khối vận tải biển, cảng biển, dịch vụ hàng hải nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục mở rộng và phát triển các loại hình dịch vụ logistics và các dịch vụ khác; nâng cao năng lực cạnh tranh của hệ thống kho, bãi để tăng doanh thu và lợi nhuận.

- Thực hiện khảo sát, đánh giá định kỳ mức độ hài lòng của khách hàng 06 tháng/lần và đạt tối thiểu 80% khách hàng có phản hồi “tốt” về chất lượng dịch vụ do đơn vị cung cấp.

5.1. Đầu tư có trọng tâm, theo kế hoạch và theo nhu cầu thực tế của Công ty, tránh đầu tư dàn trải.

- Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch đã đề ra, đầu tư có trọng tâm, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Nghiên cứu phương án đầu tư thông qua liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư, huy động nguồn vốn ứng trước của khách hàng để tranh thủ nguồn vốn, công nghệ tiên tiến bên ngoài nhằm nâng cao năng lực hoạt động doanh nghiệp, giảm áp lực chi phí tài chính, chia sẻ lợi nhuận và rủi ro.

5.2. Làm tốt công tác quản trị, điều hành của Công ty

- Tiếp tục đổi mới quản trị doanh nghiệp; thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh giản, đảm bảo hiệu quả, nâng cao năng suất lao động;

- Chuẩn hoá và liên tục cải tiến hệ thống quy trình nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tốt nhất;

- Nâng cao kỹ năng quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực của đội ngũ lãnh đạo Công ty.

- Đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh để nâng cao năng suất lao động.

5.3. Tăng cường công tác về quản trị tài chính, làm chủ nguồn lực tài chính, bảo toàn vốn chủ sở hữu.

- Triệt để tiết giảm chi phí trong quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh;
- Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thu hút vốn đầu tư và phân bổ nguồn lực để đầu tư phù hợp nhằm tạo nguồn vốn thực hiện các dự án phục vụ sản xuất kinh doanh đảm bảo hiệu quả đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty;

- Tăng cường công tác quản lý các khoản phải thu, hạn chế tối đa lượng vốn bị chiếm dụng

- Kiểm soát chặt chẽ các chi phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong đầu tư đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch đã đề ra.

5.4. Xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp

- Xây dựng văn hoá lắng nghe, tận tụy với khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm bằng việc cung cấp các dịch vụ ưu việt cho khách hàng thông qua hệ thống chăm sóc khách hàng trực tuyến để giải quyết dứt điểm, thỏa đáng những phản ánh, khiếu nại của khách hàng, lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo chính cho hiệu quả công việc.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022, Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông; *ilisa*
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021,
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, kết quả thực hiện năm 2021 cụ thể như sau:

1. Thực hiện chỉ tiêu SXKD năm 2021.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	TH năm 2021	So sánh TH 2021/2020	Tỷ lệ đạt KH năm 2021
1	Sản lượng TQ	Triệu tấn	10,2	11,37	103%	111%
	<i>Trong đó: SL container</i>	1.000 Teus	230	160	88%	70%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	886.500	1.331.470	156%	150%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	160.000	413.450	282%	258%

Sản lượng hàng hóa thông qua cảng năm 2021 đạt 11,37 triệu tấn, đạt 103% cùng kỳ năm 2020, 111% kế hoạch năm 2021, trong đó hàng container đạt 160 teus, đạt 88% cùng kỳ năm 2020, 70% kế hoạch năm 2021. Năm 2021, tổ chức khai thác được 1.234 lượt tàu, giảm 80 lượt so với năm 2020 (tàu ngoại tăng 06 lượt, tàu nội giảm 86 lượt), trong đó tổng số lượt tàu container đạt 353 lượt, giảm 57 lượt so với năm 2020.

Tổng doanh thu thực hiện năm 2021 đạt 1.331,4 tỷ đồng, đạt 156% cùng kỳ năm 2020, 150% kế hoạch năm 2021.

Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021 đạt 413,4 tỷ đồng, đạt 282% cùng kỳ năm 2020, 258% kế hoạch năm 2021.

2. Công tác đầu tư phát triển.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty. Kết quả thực hiện các dự án, hạng mục đầu tư năm 2021 như sau:

- Hoàn thành phê duyệt dự án, lựa chọn nhà thầu EC (thiết kế và thi công) và đang thực hiện khảo sát địa chất và thiết kế bản vẽ thi công Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến 1 – Cảng Quy Nhơn.

- Hoàn thành đưa vào sử dụng công trình Dự án duy tu sửa chữa, cải tạo hạ tầng đường bãi sau bến (dự án bãi container số 2); Xây dựng cửa hàng xăng dầu mới; dự án nhà xe máy và tuyến xe điện đưa đón ra vào Cảng; Nhà vệ sinh công nhân; Đầu tư bãi Nhon hội chứa hàng Thiết bị điện gió...Đang triển khai dự án nâng cấp cải tạo khu nhà Trung tâm DHSX; dự án cải tạo nhà làm việc đội container thành trung tâm dịch vụ khách hàng kết hợp văn phòng làm việc; dự án cải tạo hệ thống RTG chạy điện và xây dựng trạm biến áp, dự án duy tu nạo vét khu nước trước bến năm 2021.

- Các dự án đầu tư phương tiện thiết bị: Hoàn thành đầu tư móc chữ C tải trọng nâng 25T, băng tải cánh bướm hàng bao, đầu tư mua thiết bị phục vụ lắp đặt hệ thống định vị tự động cầu RTG (05 bộ) và tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án khác như: xe đào bánh xích, xe ủi D39, gầu ngoạm điều khiển từ xa, khung nâng cầu QC,...

- Các dự án, hạng mục CNTT: hoàn thành đầu tư hệ thống thu cước Cơ sở hạ tầng không dừng; hoàn thành triển khai kế hoạch thuê dịch vụ CNTT hệ thống quản lý khai thác cảng TOS; triển khai hạng mục nâng cấp các ERP tích hợp hệ thống TOS, dự án nâng cấp phần mềm quản lý nhân sự tiền lương, nâng cấp phần mềm tài chính kế toán; phát triển nâng cấp module quản lý thu cước CSHT.

Đánh giá tình hình đầu tư, thực hiện các dự án đầu tư năm 2021:

Kế hoạch đầu tư năm 2021 đã được Đại hội cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua ngày 09/6/2021 với tổng giá trị là 213,8 tỷ đồng, giá trị thực hiện đầu tư gần 70 tỷ đồng. Nguyên nhân: Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh covid 19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương, trong đó tỉnh Bình Định chịu ảnh hưởng rất lớn từ dịch bệnh, phải thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài nên đã ảnh hưởng đến quá trình triển khai các dự án.

Cơ cấu mặt hàng khai thác trong năm 2021 có sự thay đổi đã phần nào ảnh hưởng đến kế hoạch triển khai các dự án. Do đó, Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty đã lãnh đạo, chỉ đạo tập trung triển khai các dự án trực tiếp phục vụ ngay cho sản xuất kinh doanh như các hạng mục, dự án phục vụ cho mặt hàng thiết bị điện gió,...

Chi phí vật tư, nguyên vật liệu tăng cao nên việc triển khai thực hiện dự án đầu tư chưa thực sự cấp thiết cho sản xuất kinh doanh sẽ không hiệu quả (dự án Đầu tư xây dựng trạm biến áp 2500 kVA số 2 - bãi container số 1; Xây dựng, lắp đặt hệ thống chiếu sáng bãi container số 1-giai đoạn 1; Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện Cảng Quy Nhơn (giai đoạn 1),...

Trong thời điểm dịch bệnh diễn biến phức tạp tại địa phương, cơ sở vật chất hiện có của Cảng được sử dụng là nơi tập trung cho các lực lượng sản xuất theo phương án 3 tại chỗ hoặc là nơi làm việc, nơi dự kiến cách ly nếu có F0, vv...do đó, kế hoạch triển khai nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng đã được HĐQT và Ban Điều hành công ty phê duyệt, điều chỉnh giãn, hoãn thời gian thực hiện.

Công tác triển khai dự án được thực hiện đầy đủ các bước, đúng trình tự và quy định của pháp luật có liên quan, tuân thủ đúng các quy trình, quy định về đầu tư, về tổ chức thi công, lắp đặt, đào tạo, nghiệm thu; bảo đảm an toàn lao động, an toàn thiết bị, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và chất lượng kỹ thuật công trình.

Các hạng mục, công trình do Cảng Quy Nhơn làm chủ đầu tư được Ban Điều hành giám sát chặt chẽ về chất lượng và nhanh chóng giải quyết, tháo gỡ những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện. Vì vậy, đã đảm bảo được chất lượng trong quá trình chuẩn bị đầu tư,

thực hiện đầu tư và phát huy hiệu quả sau khi hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Để đạt được kết quả trên, Cảng Quy Nhơn đã nỗ lực rất lớn, Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã định hướng, quản trị doanh nghiệp một cách hiệu quả và đạt được kết quả cụ thể:

Thay đổi chính sách khách hàng, lấy khách hàng làm trung tâm, linh hoạt trong cách tiếp cận, phục vụ khách hàng; Tăng cường triển khai chuỗi dịch vụ Logistics, đồng thời kết nối với các đơn vị thành viên VIMC, tạo chuỗi đa dịch vụ đáp ứng nhu cầu khách hàng;

Đẩy mạnh công tác trao đổi thông tin với đại diện Hãng tàu/Đại lý, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về Khách hàng, Mặt hàng, Hãng tàu, Tuyến dịch vụ khai thác tại Cảng và các Cảng khác trong khu vực. Đặc biệt, chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng cung ứng dịch vụ và kịp thời hỗ trợ để Khách hàng xuất/nhập container theo đúng kế hoạch đề ra, giảm thiểu tối đa tình trạng container “rớt” tàu, “rớt” booking.

Trong thời điểm thiếu vỏ container xuất hàng, tìm hiểu nhu cầu chủ hàng và lượng tồn cont rỗng của các Lines (tại khu vực Cái Mép - Thị Vải, Đà Nẵng, Hải Phòng), Cảng Quy Nhơn sẽ đề nghị Hãng tàu cấp Booking cho chủ hàng tại Cảng Quy Nhơn. Sau đó, Cảng Quy Nhơn sẽ chủ động phối hợp với các Hãng tàu nội địa Repo cont rỗng hoặc sử dụng cont Free use của các Main Lines về Quy Nhơn. Các thương vụ này có thể giúp chủ hàng có container để đóng hàng xuất đồng thời Cảng Quy Nhơn tận dụng khai thác được hàng nhập nội địa mà chủ hàng, chủ tàu không phát sinh chi phí; Phối hợp với hãng tàu Maersk mở tuyến dịch vụ (PH3) xuất nhập khẩu từ Cảng Quy Nhơn đi Đông Bắc Á thông qua các cảng chính tại Hong Kong, Trung Quốc.

Tập trung nâng cao năng suất giải phóng tàu, ưu tiên các mặt hàng chiến lược như dăm gỗ, viên nén, tôn cuộn, phân bón nhập, hàng giá trị dịch vụ cao (tăng trưởng 20%),... Nắm bắt thông tin thị trường, tăng cường tìm kiếm chủ đầu tư, tổng thầu kết nối với các đơn vị Logistics, cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện thuê bãi Khu A - KKT Nhơn Hội thành lập Điểm kiểm tra hàng hóa XNK tập trung (37CBC09) tăng năng lực kho bãi để giải phóng tàu, tập kết hàng trước khi vận chuyển đến chân công trình nhằm thu hút nguồn hàng thiết bị điện gió, năm 2021 Cảng đã tiếp nhận khoảng 141 bộ điện gió của các dự án thuộc các tỉnh Miền Trung - Tây Nguyên mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

Nâng cấp, ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả điều hành, khai thác cảng đem lại nhiều tiện ích cho khách hàng như phần mềm quản lý khai thác cảng (TOS), cổng thông tin điện tử E-port...

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ có tính chuyên nghiệp cao, phát huy có hiệu quả nguồn lực tài chính và con người. Tham gia các khóa đào tạo trực tuyến E-learning do Tổng Công ty HH Việt Nam tổ chức và học tập kinh nghiệm từ các DNTV VIMC thông qua hình thức trực tuyến/trực tiếp.

Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu KPI, nhiệm vụ của Hội đồng Đổi mới sáng tạo - Tổng Công ty giao và triển khai các chương trình hành động theo tuyên bố Đại Lãi của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam năm 2021.

Thực hiện có hiệu quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Các biện pháp phòng dịch Covid-19 thường xuyên được tăng cường, chấp hành đúng các hướng dẫn, yêu cầu của VIMC và UBND tỉnh Bình Định.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Mục tiêu chung.

Cảng Quy Nhơn tập trung đầu tư nâng cấp mở rộng Cảng theo quy hoạch được các cấp, ngành phê duyệt, phấn đấu đạt sản lượng hàng hóa thông qua theo kế hoạch. Năm 2022, Cảng Quy Nhơn tập trung mọi nguồn lực phục vụ sản xuất, lấy khách hàng làm trung tâm, nâng cao chất lượng dịch vụ, đào tạo nguồn nhân lực, duy trì ổn định hoạt động các tổ chức chính trị xã hội trong công ty. Đảm bảo chế độ, ổn định việc làm, thu nhập cho toàn thể CBCNV-NLĐ. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động điều hành, quản lý của doanh nghiệp đạt hiệu quả.

Năm 2022, khi triển khai xây dựng nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn, nguồn hàng bị ảnh hưởng đáng kể (ảnh hưởng hơn 20% sản lượng thông qua Cảng), do đó Cảng Quy Nhơn sẽ tập trung khai thác tối các mặt hàng có năng suất cao, thời gian làm hàng nhanh, ít hao phí lao động... như hàng dăm gỗ, viên nén, nông sản, hàng tôn cuộn, phân bón nhập khẩu, một số hàng nội địa truyền thống. Tập trung mọi nguồn lực xây dựng chiến lược phát triển hàng container từ 200.000 TEUs trở lên với cơ sở hạ tầng kho, bãi chứa phục vụ làm hàng container sẽ hoàn thiện trong thời gian đến tại Cảng Quy Nhơn.

Tiếp tục triển khai sâu rộng 05 tuyên bố hành động năm 2022 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP, định hướng “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

2. Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Căn cứ văn bản số 259/HHVN-TTKH ngày 03/3/2022 của Tổng công ty HHVN về việc giao Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 cho Người đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn. Trên cơ sở đó, Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn xây dựng chỉ tiêu SXKD chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	So sánh KH 2022/TH 2021
1	Sản lượng	Triệu tấn	11,37	10,2	90%
	<i>Trong đó: sản lượng container</i>	<i>1.000 Teus</i>	<i>160</i>	<i>200</i>	<i>125%</i>
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.331.470	1.000.000	75,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	413.450	190.000	46%

3. Kế hoạch đầu tư phát triển.

Trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2022 được Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua. Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở hạ tầng, phương tiện thiết bị năm 2022 như sau:

TT	Tên dự án	Giá trị (Triệu đồng)
	Kế hoạch đầu tư năm 2022	367.803
	Đầu tư XDCB	299.954
	Đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị	42.943

	Đầu tư công nghệ thông tin	13.000
	Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật	11.906
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2021	303.803
1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng	263.954
1.1	ĐT XD nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn	230.647
1.2	Nâng cấp cải tạo khu nhà Trung tâm ĐHSX	10.059
1.3	Cải tạo nhà làm việc đội container thành trung tâm dịch vụ khách hàng kết hợp văn phòng làm việc	1.314
1.4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện Cảng Quy Nhơn (GĐ 1)	8.000
1.5	Cải tạo hệ thống RTG chạy điện	13.934
2	Dự án công nghệ thông tin	7.000
2.1	Nâng cấp các ERP tích hợp hệ thống	2.500
2.2	Đầu tư hệ thống vận doanh	2.000
2.3	Đầu tư hạ tầng mạng nội bộ (GĐ 1)	2.500
3	Đầu tư mua phương tiện thiết bị	21.543
3.1	Thiết bị xếp dỡ bến số 1 (2 cần trục đa năng 45T)	2.000
3.2	Phễu 01 họng xả 32 m ³	560
3.3	Phễu 3 họng xả 22 m ³	220
3.4	Xe đào bánh xích gầu 0,5 m ³ (3 xe)	5.863
3.5	Xe ủi D39/D40 (2 xe)	5.400
3.6	Ngoạm điều khiển từ xa dung tích 10-15 m ³	1.500
3.7	Khung chụp spreader cầu QC	6.000
4	Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng	11.306
4.1	Nạo vét khu nước trước bến (năm 2021)	9.306
4.2	Hệ thống điều hành khai thác cảng TOS	2.000
II	DỰ ÁN TRIỂN KHAI NĂM 2022	64.000
1	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng	36.000
1.1	Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8ha)	35.000
1.2	Các hạng mục sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật	1.000
2	Đầu tư mua phương tiện thiết bị	21.400

2.1	Đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị, công cụ xếp dỡ	1.500
2.2	Xe nâng tole cuộn	7.500
2.3	Xe nâng container có hàng	12.000
2.4	Đầu tư máy phát điện 300kVA	400
3	Dự án công nghệ thông tin	6.000
3.1	Đầu tư Hệ thống kho dữ liệu, BI tích hợp dữ liệu TOS, TCKT, NSTL	3.000
3.2	Đầu tư Hệ thống nhận diện số cont, vỏ cont (Thiết bị và Phần mềm nhận diện)	3.000
4	Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật	600
4.1	Bảo dưỡng, sửa chữa hạ tầng mạng, thiết bị CNTT	600

Kế hoạch đầu tư trong năm 2022 là 367,8 tỷ đồng, trong đó đầu tư xây dựng cơ bản gần 300 tỷ đồng, đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị là 42,9 tỷ đồng, đầu tư công nghệ thông tin 13 tỷ đồng, Duy tu, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật 11,9 tỷ đồng, cụ thể:

- Các dự án Đầu tư xây dựng cơ bản: tiếp tục thực hiện đầu tư các dự án đã thực hiện trong năm 2021 và chuyển tiếp sang năm 2022; tập trung triển khai đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn, Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 (giai đoạn 1, khu đất 3,8ha),...

- Dự án công nghệ thông tin: tập trung đầu tư các dự án phục vụ quá trình “chuyển đổi số”, Ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình quản lý vận hành, điều hành khai thác Cảng, cụ thể: Hệ thống điều hành khai thác cảng TOS; Đầu tư Hệ thống kho dữ liệu, BI tích hợp dữ liệu TOS, TCKT, NSTL; Đầu tư Hệ thống nhận diện số cont, vỏ cont (Thiết bị và Phần mềm nhận diện),.....

- Đầu tư mua sắm phương tiện, thiết bị: đầu tư mua sắm thay thế các phương tiện thiết bị thường xuyên hư hỏng, xuống cấp và các phương tiện xếp dỡ mới để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khai thác hàng hóa của Cảng Quy Nhơn sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng (bến số 1, bãi hàng 3,8ha): Thiết bị xếp dỡ bến số 1 (2 cần trục đa năng 45T), Xe đào, xe ủi, Xe nâng container có hàng,...

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2022.

Để phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 của Công ty nói riêng và cả Tập đoàn nói chung, một số nhiệm vụ cần tập trung thực hiện trong năm 2022 là:

1. Thị trường, khách hàng.

Duy trì ổn định chất lượng dịch vụ, chăm sóc khách hàng, thị trường truyền thống nhằm phát triển nguồn hàng cho chiến lược trung hạn. Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu về Khách hàng, Mặt hàng, Hãng tàu, Tuyến dịch vụ khai thác tại Cảng và các Cảng khác trong khu vực. Rà soát, đánh giá lại hiệu quả các dịch vụ, điều chỉnh giá một số dịch vụ không đem lại hiệu quả cao, năng suất thấp hoặc dịch vụ, mặt hàng không ưu tiên phát triển.

Tập trung nguồn lực, nhân sự và sự hỗ trợ của Ban TTKH, các đơn vị thành viên phát triển dịch vụ Forwarder, Logistics cung cấp dịch vụ trọn gói cho khách hàng

Phối hợp với các Đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam, cùng với sự hỗ trợ của Ban Thị trường Kế hoạch triển khai thực hiện công tác tìm hiểu và phát triển thị trường tại khu vực Miền trung Tây Nguyên, khu vực biên giới Lào, Campuchia, nguồn hàng xuất nhập thông qua cửa khẩu Lệ Thanh, Bờ Y (đây là thị trường tiềm năng thúc đẩy tăng trưởng sản lượng giai đoạn 2021-2025). Trên cơ sở đó, tiếp cận, chào giá và xây dựng chính sách phù hợp để thu hút các nguồn hàng này.

Sử dụng chính sách giá linh hoạt cho từng mặt hàng theo từng thời điểm, xây dựng quy chế giá dịch vụ theo năng suất xếp dỡ nhằm mục đích khuyến khích khách hàng phối hợp Cảng giải phóng tàu nhanh, tăng hiệu quả SXKD, khai thác đạt được lợi ích cho hai bên.

Tận dụng, khai thác tối đa hạ tầng kho bãi hiện hữu, đón đóc khách hàng thuê kho liên tục luân chuyển hàng hóa giải phóng tàu nhằm tăng hiệu quả khai thác của cầu bến và kho bãi.

Tập trung xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể về mục tiêu “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

2. Công nghệ kỹ thuật.

Thực hiện “Chuyển đổi số” một cách đồng bộ và toàn diện để tạo nên “**Hệ sinh thái công nghệ Cảng**” kết nối chuỗi hoạt động Cảng với tệp khách hàng. Xây dựng hệ sinh thái số: công nghệ thông minh (Eport), dữ liệu của khách hàng, số hóa các thủ tục, số hóa dịch vụ khách hàng.

Nghiên cứu lắp đặt thành công hệ thống định vị DGPS theo thời gian thực cho 5 cầu RTG. Sau khi hoàn thiện hệ thống sẽ phối hợp với phần mềm TOS để tự động hóa một số khâu trong quá trình nhập xuất container, giúp quản lý khai thác bãi container khoa học hơn, chính xác hơn, thuận lợi hơn trong công tác lập kế hoạch, điều hành khai thác và giúp hạn chế nhân sự phải làm việc trực tiếp tại hiện trường.

Chuyển đổi cầu RTG từ sử dụng nhiên liệu diesel sang sử dụng điện để tiết giảm chi phí; Cải tạo nâng cấp công suất cho hệ thống băng chuyền xếp dỡ dầm gỗ lên tàu nhằm tăng năng suất xếp dỡ hàng dầm gỗ thông qua cảng.

3. Tài chính và đầu tư.

Triển khai thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch, đầu tư có trọng tâm, phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng, tập trung vào dự án đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng và hạ tầng, dự án công nghệ thông tin.

Cân đối chuẩn bị dòng tiền, xây dựng kế hoạch dòng tiền giai đoạn 2021 – 2025 đảm bảo đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo dòng tiền đầu tư các dự án trong các năm 2022 - 2025.

4. Quản trị và đổi mới doanh nghiệp.

Tổ chức quản lý, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư các phương tiện, thiết bị, xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng, cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, chất lượng dịch vụ xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ bảo quản hàng hóa, tiến độ giải phóng tàu, an toàn trong sản xuất,... nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Tiếp tục rà soát các quy trình quản lý, vận hành, khai thác cảng theo hướng lấy khách hàng làm trung tâm, để thuận lợi, hiệu quả trong quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thời gian khách hàng đến nhận/trả hàng tại Cảng Quy Nhơn.

Xây dựng cơ chế trả lương gắn với hiệu quả của người lao động trong Công ty, trong đó có các cơ chế thu hút các lao động có chất lượng đối với các vị trí cần thiết của Công ty.

Tiếp tục phát huy hình thức BDH bố trí Lãnh đạo Công ty trực 24/7 và Tổng Giám đốc chủ trì họp giao ban hàng tuần để tổng hợp báo cáo từ các đơn vị nhằm có biện pháp kịp thời hỗ trợ khách hàng giải phóng tàu hàng, tránh thiệt hại do chờ tàu kéo dài.

Hoàn thành chuyển đổi XNKDDVTH thành Công ty TNHH MTV để phát triển dịch vụ Forwarding, Logistics tại khu vực Miền Trung, Tây Nguyên, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia.

Phát triển văn hóa doanh nghiệp, ban hành bộ quy tắc ứng xử của Cảng Quy Nhơn; Tìm hiểu và áp dụng công cụ KAIZEN, LEAN trong quản lý để tiết giảm chi phí, tinh gọn thủ tục quy trình sản xuất, phục vụ khách hàng; Tiếp tục đẩy mạnh công tác thu hồi nợ, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thiết thực và hiệu quả.

5. Phát triển nguồn nhân lực.

Xây dựng các chiến lược để thực hiện các nội dung của Tuyên bố Đại Lãi, trong đó có 2 trụ cột chính: Xây dựng văn hóa lấy khách hàng làm Trung tâm và lấy phát triển con người làm Trung tâm.

Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển nguồn nhân lực phục vụ quá trình phát triển của đơn vị. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng chương trình, kế hoạch đào tạo phù hợp và nhất là thực hiện đổi mới trong công tác tuyển dụng, tuyển dụng phải đảm bảo công khai, minh bạch theo nhu cầu, tiêu chuẩn, trình độ doanh nghiệp cần, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từng bước tăng năng suất lao động và chất lượng dịch vụ, chuyên nghiệp, tư duy “Lấy khách hàng làm trung tâm”.

Áp dụng hệ thống KPI và trả lương 3Ps để trả lương cho người lao động nhằm động viên, khen thưởng phù hợp để tạo động lực thúc đẩy người lao động phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo, gắn bó và cống hiến cho Công ty.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022 của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty (báo cáo);
- Ban TGD; Ban KS Cty;
- Lưu VT, N. PTQT Cty.



**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua ngày 09/6/2021.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát (BKS) Công ty được quy định tại Điều lệ Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 09/6/2021.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty CP Cảng Quy Nhơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Ban Kiểm soát Công ty CP Cảng Quy Nhơn xin báo cáo tình hình hoạt động, kiểm tra, giám sát Công ty CP Cảng Quy Nhơn năm 2021 như sau:

PHẦN I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021

I. Tình hình nhân sự Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát bao gồm 03 thành viên:

1. Bà Dương Thị Hồng Hạnh - Trưởng ban
2. Bà Vũ Thị Diệp - Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Hằng - Thành viên

II. Về tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty:

1. Tình hình hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2021, BKS đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị (HDQT) và Ban Tổng giám đốc (TGD), thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành, tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật trong hoạt động quản lý của HDQT, hoạt động điều hành của Ban TGD. Cụ thể các công việc đã thực hiện như sau:

+ Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động của HDQT, Ban TGD Công ty năm 2021. Xem xét các Nghị quyết, Quyết định do HDQT, Ban TGD ban hành trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, việc tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định cũng như tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HDQT trong năm 2021.

+ BKS đã tham dự các cuộc họp HDQT hàng quý và theo yêu cầu, nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh thực tế của Công ty và đóng góp ý kiến với HDQT, Ban TGD trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và đưa ra các kiến nghị. HDQT,



Ban TGD, BKS luôn có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý doanh nghiệp để hoạt động luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và đạt hiệu quả cao nhất.

+ Kiểm tra, giám sát tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 thông qua.

+ Thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty do Ban TGD xác lập; những kiến nghị của kiểm toán viên đưa ra; rà soát, thảo luận cùng Ban TGD, kiểm toán viên về Dự thảo Báo cáo soát xét 06 tháng đầu năm 2021 và báo cáo kiểm toán năm 2021 nhằm đánh giá tính trung thực, khách quan, hợp lý của các số liệu tài chính phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách hiện hành.

+ Kiểm soát việc thực hiện việc công bố thông tin của Công ty đối với Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cũng như đăng thông tin trên Website của Công ty.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không nhận được yêu cầu kiểm tra bất thường của cổ đông hay nhóm cổ đông nào.

2. Tình hình và kết quả cuộc họp của BKS:

Trong năm 2021, BKS đã họp 03 cuộc họp, tình hình tham dự, nội dung và kết quả cuộc họp cụ thể như sau:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
2	Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban	26/06/2020	03	100%	-
2	Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên	29/6/2019	03	100%	-
3	Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên	29/6/2019	03	100%	-

- Tại kỳ họp và làm việc tháng 3/2021, BKS đã họp thống nhất phân công công việc giữa các thành viên và thực hiện việc giám sát việc quản lý điều hành, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư năm 2020.

- Tại kỳ họp tháng 8/2021, BKS đã họp thống nhất việc phân công công việc giữa các thành viên Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 06 tháng đầu năm 2021.

- Tại kỳ họp tháng 11/2021, BKS đã họp thống nhất việc phân công công việc giữa các thành viên BKS và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Quý III/2021.

3. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2021, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã đưa ra các kiến nghị đối với hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Kiến nghị Công ty tiếp tục rà soát, xây dựng, sửa đổi, ban hành các quy chế nội bộ phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020, tình hình thực tế của Công ty và các quy định hiện hành.

- Tập trung xử lý những vướng mắc theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.

- Sớm hoàn thành chuyển đổi mô hình hoạt động của Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ tổng hợp để đổi mới mô hình quản trị, phát triển mở rộng các dịch vụ cung cấp cho khách hàng nhằm đem lại giá trị gia tăng cho khách hàng, gia tăng nguồn thu cho Công ty.

- Kiến nghị hoàn thiện công tác hạch toán chi phí, chứng từ thanh toán của Cảng Quy Nhơn, công tác mua sắm hàng hóa, vật tư nhằm tăng cường công tác kiểm soát, quản trị chi phí sản xuất kinh doanh.

- Kiến nghị Công ty thực hiện quyết toán vốn dự án hoàn thành đối với các dự án đã hoàn thành, đưa vào sử dụng.

- Kiến nghị đối với công tác thu hồi công nợ: Trong các năm từ 2018-2021, tình hình nợ phải thu khách hàng của Cảng Quy Nhơn tăng mạnh. Hàng năm, Cảng Quy Nhơn đều phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi (số trích lập năm 2021 là 1.202 triệu đồng). Ban Kiểm soát kiến nghị Cảng cần tăng cường công tác thu hồi công nợ, tránh bị chiếm dụng vốn đặc biệt trong điều kiện Cảng đang phải tập trung nguồn tài chính để thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

- Đối với khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Hàng hải: Hiện nay, Ngân hàng này đã thực hiện niêm yết trên sàn HOSE, đề nghị Công ty xem xét thoái vốn vào thời điểm phù hợp, thu hồi vốn đầu tư.

III. Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát

- Hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

- Từng thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ theo phân công công việc một cách nghiêm túc, thận trọng, trung thực. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi để thực hiện nhiệm vụ đạt kết quả tốt nhất.

IV. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

- Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát: Các thành viên BKS đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thù lao thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2021. Tổng số thù lao Công ty đã chi trả cho BKS trong năm 2021 là 192 triệu đồng.

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát: tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.

PHẦN II. KẾT QUẢ KIỂM TRA GIÁM SÁT

I. Kết quả giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

1. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT:

- HĐQT đã chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 vào ngày 09/6/2021.

- HĐQT đã chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, kết quả đạt được như sau:

+ Thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2021 Cảng Quy Nhơn hoàn thành vượt kế hoạch các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 giao. Riêng chỉ tiêu sản lượng container qua cảng chỉ đạt 70% kế hoạch.

+ Thực hiện niêm yết chứng khoán Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM: Công ty chưa hoàn thành việc niêm yết chứng khoán tại Sở

Giao dịch Chứng khoán TP. HCM do còn phát sinh một số vướng mắc về hồ sơ, thủ tục theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

+ Thực hiện phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020: Công ty đã thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ.

+ Thực hiện Kế hoạch tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS: Công ty đã thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ, chi trả theo mức đã được ĐHĐCĐ thông qua.

+ Thực hiện chuyển đổi Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ tổng hợp thành Công ty TNHH một thành viên: Công ty đã hoàn thành chuyển đổi Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ tổng hợp thành Công ty TNHH một thành viên. Dự kiến, Công ty TNHH MTV sẽ đi vào hoạt động từ 01/7/2022.

+ Thực hiện lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021: Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC thực hiện soát xét, kiểm toán BCTC bán niên và BCTC năm 2021.

+ Thực hiện sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và ban hành một số quy chế được ĐHĐCĐ thông qua:

Công ty đã ban hành Điều lệ mới sau khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua và đã áp dụng thực hiện theo Điều lệ mới.

Công ty cũng đã ban hành các quy chế và áp dụng thực hiện sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, bao gồm: Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế hoạt động của BKS.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đều triển khai ban hành kịp thời, thực hiện tốt chức năng quản trị của Hội đồng quản trị, phù hợp với Điều lệ của Công ty, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm. Tuy nhiên, theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã ban hành, Hội đồng quản trị cần xây dựng Kế hoạch hoạt động năm để căn cứ triển khai và phân công thực hiện.

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 cuộc họp (trực tiếp, trực tuyến). Trên cơ sở nội dung các cuộc họp và thông qua việc xin ý kiến bằng văn bản, HĐQT đã ban hành các nghị quyết/quyết định liên quan đến công tác đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh, chế độ chính sách, ban hành các quy chế nội bộ, ... Các nghị quyết/quyết định của HĐQT đều được đa số các thành viên HĐQT thống nhất ý kiến và đã bám sát chủ trương, định hướng phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Trong năm, HĐQT đã ban hành các quy chế, quy định và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của HĐQT bao gồm: Quy định trình tự thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm cán bộ; Bộ quy tắc ứng xử của Công ty CP Cảng Quy Nhơn; Quy chế Tuyển dụng lao động; Quy định về quyết toán, thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn dự án đầu tư;...

2. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, theo chỉ đạo của HĐQT, tuân thủ đúng Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc phát triển mở rộng thị trường, khách hàng, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và người lao động của Công ty, mang lại hiệu quả cao. Công ty

cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước và các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó tổng giám đốc và định kỳ tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc và giao kế hoạch công việc tiếp theo.

- Trong năm, Tổng Giám đốc đã ban hành các quy chế, quy định và hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc bao gồm: Nội quy lao động; Quy định quản lý và sử dụng xe ô tô; Bộ quy trình xếp dỡ hàng hóa tại Cảng Quy Nhơn; Quy định bảo mật bí mật kinh doanh và các thông tin nội bộ của doanh nghiệp; Quy định quản lý và sử dụng xe máy công vụ; và một số quy trình phục vụ hoạt động khai thác cảng trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19; ...

- Công ty duy trì tốt các hoạt động về đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, thực hiện đúng các chế độ của người lao động. Ban Điều hành quan tâm và hỗ trợ đối với các công tác đoàn thể của Công ty.

- Cảng Quy Nhơn đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid-19 tại Cảng Quy Nhơn.

Đánh giá chung: Ban Tổng giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc điều hành, giám sát cũng như đề xuất với HĐQT các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong năm.

3. Đánh giá việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc với Ban Kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

- Ban Kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty khi có yêu cầu. Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp cần thiết khác.

- Hầu hết các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban điều hành Tổng công ty đều được Công ty ghi nhận và thực hiện.

4. Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, đánh giá công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ năm 2021. Ban Kiểm soát thống nhất với nội dung Hội đồng quản trị đã báo cáo ĐHĐCĐ.

II. Công tác thẩm tra, giám sát BCTC, hoạt động kinh doanh năm 2021:

1. Thẩm tra Báo cáo tài chính:

Ban Kiểm soát đã thực hiện việc thẩm tra Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2021, Báo cáo tài chính năm 2021 đã được soát xét, kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Ban Kiểm soát nhất trí với ý kiến của Công ty kiểm toán là các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán,

Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ngoài ra, kiểm toán viên còn nhận mạnh khoản nợ tiềm tàng phát sinh từ nghĩa vụ nợ liên quan đến tranh chấp giữa Cảng Quy Nhơn và Công ty TNHH MTV VTB Cửa Long đang được Tòa án xử lý (Nội dung chi tiết tại thuyết minh số 34 BCTC).

Năm 2021, Cảng Quy Nhơn điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do điều chỉnh lại các khoản chi phí vận chuyển phát sinh tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp bị ghi nhận gổ đầu từ các năm 2018 trở về trước về đúng các kỳ chi phí phát sinh (Nội dung chi tiết tại Thuyết minh số 38 BCTC).

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập BCTC phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

2. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Đơn vị tính: triệu đồng

CHỈ TIÊU	2020	KH 2021	2021	TH 2021/ 2020	TH 2021/ KH 2021
Sản lượng hàng thông qua (tr.tấn)	11,0	10,2	11,3	103	111
Sản lượng hàng cont (nghìn teus)	181	230	160	88	70
Tổng doanh thu	852.505	886.500	1.331.470	156	150
Doanh thu thuần	830.606		1.310.799	158	
Doanh thu tài chính	19.139		18.332	96	
Thu nhập khác	2.760		2.339	85	
Tổng chi phí	709.795		918.020	129	
Giá vốn hàng bán	631.407		822.050	130	
Chi phí bán hàng	9051		10.764	119	
Chi phí QLDN	68.569		75.054	109	
Chi phí tài chính	228		788	345	
Chi phí khác	540		9.364	1734	
Lợi nhuận trước thuế	142.710	160.000	413.450	290	258
Lợi nhuận sau thuế	113.217		330.873	292	
Cổ tức (%)	17%	17%	20%	118	118

Đánh giá chung:

+ Sản lượng: năm 2021, sản lượng hàng thông qua cảng là 11,3 triệu tấn, bằng 103% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 111% kế hoạch năm. Sản lượng hàng container đạt 160 nghìn teus, bằng 88% so với năm 2020, đạt 70% so với kế hoạch năm 2021.

+ Doanh thu: Tổng doanh thu năm 2021 của Cảng Quy Nhơn là 1.331.470 triệu đồng, tăng 56% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 150% so với kế hoạch năm. Trong đó:

- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ là 1.310.799 triệu đồng, chiếm 98,4% tổng doanh thu. Trong đó: Doanh thu hoạt động bốc xếp tăng 91,8%, doanh thu lưu kho, bãi tăng 248% so với năm 2020.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 là 18.332 triệu đồng, bằng 96% so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu lãi tiền gửi giảm.

+ Lợi nhuận: Lợi nhuận trước thuế năm 2021 là 413.450 triệu đồng, bằng 290% năm 2020, đạt 258% kế hoạch năm. Sở dĩ sản lượng tăng 3% nhưng doanh thu hoạt động khai thác cảng, lợi nhuận năm 2021 lại tăng mạnh so với năm ngoái chủ yếu do mặt hàng thiết bị qua cảng tăng mạnh, mặt hàng này tuy sản lượng không cao nhưng doanh thu, tỷ suất lợi nhuận cao.

3. Đánh giá tình hình tài chính: (Số liệu lấy theo BCTC đã kiểm toán)

3.1. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng

Cơ cấu tài sản	01/01/2021	31/12/2021	Chênh lệch
Tài sản ngắn hạn	481.186	795.693	314.507
Tài sản dài hạn	265.663	258.220	(7.443)
Tổng tài sản	746.849	1.053.913	307.064

* Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021 là 1.053.913 triệu đồng, tăng 307.064 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó:

+ Tài sản ngắn hạn 795.693 triệu đồng (chiếm 75,5% tổng tài sản), tăng 314.507 triệu đồng so với đầu năm. Chủ yếu là do tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn (tiền gửi có kỳ hạn dưới 01 năm) tăng 179.654 triệu đồng, các khoản phải thu ngắn hạn tăng 96.528 triệu đồng (do phải thu khách hàng tăng 56.413 triệu đồng và trả trước cho người bán tăng 36.803 triệu đồng),

+ Tài sản dài hạn là 258.220 triệu đồng (chiếm 24,5% tổng tài sản), giảm 7.443 triệu đồng so với thời điểm đầu năm chủ yếu là do tài sản cố định giảm 7.051 triệu đồng, chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm 5.532 triệu đồng, các khoản phải thu dài hạn tăng 7.347 triệu đồng.

* Nhận xét:

+ Tài sản cố định chiếm tỷ trọng 19,3% trong tổng tài sản do tài sản của Cảng Quy Nhơn đã gần hết khấu hao (giá trị còn lại còn 18% nguyên giá), tiền và các khoản tiền gửi chiếm tỷ trọng 43,3% tổng tài sản cho thấy việc Cảng Quy Nhơn đẩy mạnh công tác đầu tư là phù hợp, cần thiết, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng cao của Cảng.

+ Phải thu khách hàng tăng mạnh so với thời điểm đầu năm chủ yếu do các đối tượng: phải thu Công ty Vận tải Quốc tế Thuận Đạt 22,29 tỷ đồng (khách hàng mới - khoản phải thu chi phí bốc xếp các cánh quạt gió từ tàu và bãi cảng phát sinh từ ngày 27/12 đến 31/12/2021; phải thu Công ty TNHH vận tải Đại Việt Logistic 10,10 tỷ đồng (khách hàng mới); phải thu Công ty TNHH Maersk Việt Nam tăng 3,68 tỷ so với đầu năm (số dư tại 31/12/2021 là 8,69 tỷ).

+ Trả trước cho người bán tăng mạnh so với thời điểm đầu năm chủ yếu là do Cảng đẩy mạnh thực hiện triển khai thực hiện 2 dự án lớn là: Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1, Duy tu, sửa chữa, cải tạo hạ tầng đường bãi sau bến - Cảng nên các chi phí ứng trước cho các nhà thầu và đơn vị tư vấn phát sinh.

* Cơ cấu nguồn vốn:

Đơn vị tính: triệu đồng



Chỉ tiêu	01/01/2021	31/12/2021	Chênh lệch
Tổng nguồn vốn	746.849	1.053.913	307.064
Nợ phải trả, trong đó	145.174	210.672	65.498
- Nợ ngắn hạn	145.174	210.672	65.498
- Nợ dài hạn	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	601.675	843.241	241.566
Vốn góp của chủ sở hữu	404.099	404.099	0
Vốn CSH/ Vốn góp của CSH	1,49	2,09	0,6

Tại thời điểm 31/12/2021, tổng nguồn vốn là tăng 307.064 triệu đồng so với thời điểm đầu năm. Trong đó: Nợ phải trả là 210.672 triệu đồng tăng 65.498 triệu đồng do phải trả người bán tăng 108.689 triệu đồng, chi phí phải trả ngắn hạn giảm 38.825 triệu đồng. Cảng Quy Nhơn không có nợ dài hạn. Vốn chủ sở hữu là 843.241 triệu đồng, tăng 241.566 triệu đồng do Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tăng.

Cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Cảng Quy Nhơn cho tài sản của Cảng chủ yếu được tài trợ bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Nợ phải trả của Cảng chủ yếu là phải trả người bán, phải trả người lao động, nghĩa vụ nộp NSNN. Công ty không có nợ dài hạn, nợ ngân hàng. Cơ cấu tài sản, nguồn vốn của Cảng rất an toàn. Vì vậy, việc Cảng Quy Nhơn quyết định chủ trương thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 - Cảng Quy Nhơn là biện pháp tái đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực khai thác cảng.

Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/ Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2021 là 2,09 tăng so với thời điểm đầu năm cho thấy vốn chủ sở hữu được bảo toàn, phát triển.

3.2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	01/01/2021	31/12/2021
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ NH	Lần	3,18	3,68
Khả năng thanh toán hiện hành (TS ngắn hạn /Nợ Ngắn hạn)	Lần	3,31	3,78
Khả năng thanh toán tổng quát (Tổng TS/Nợ phải trả)	Lần	5,14	5,00
Hệ số nợ			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	19,44	19,99
Nợ phải trả/ Vốn CSH	%	24,13	24,98
Khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /DT thuần	%	13,63	25,24
ROA (Tỷ số LNST/ Tổng tài sản)	%	15,71	37,80
ROE (Tỷ số LNST/ Vốn chủ sở hữu)	%	22,79	65,79

Đánh giá:

Các chỉ số tài chính của Cảng Quy Nhơn cho thấy tình hình tài chính của Cảng tại thời điểm 31/12/2021 cho thấy tình hình tài chính ổn định, các chỉ số về khả năng thanh toán ở ngưỡng an toàn, các chỉ số khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động đều tăng so với năm ngoái, vốn chủ sở hữu bảo toàn và phát triển.

4. Công tác đầu tư tài chính:

Tính đến thời điểm 31/12/2021, Cảng Quy Nhơn có vốn góp tại 03 Công ty (Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng hải và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam). Cụ thể:

Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Giá gốc (VNĐ)	Dự phòng
Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	16,68%	1.800.151	18.000.000.000	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng hải	20%	480.000	7.608.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	0,02%	146.792	1.467.920.000	-

Đánh giá:

+ Đối với các khoản đầu tư tại Công ty cổ phần Dịch vụ công nghiệp Hàng hải (Inseco Quy Nhơn): Inseco Quy Nhơn hoạt động sản xuất kinh doanh chính là khí công nghiệp, kinh doanh kho bãi và xếp dỡ hàng hóa. Hoạt động của Inseco Quy Nhơn năm 2021 tiếp tục đem lại hiệu quả với lợi nhuận sau thuế đạt 9,32 tỷ đồng, dự kiến cổ tức vẫn đạt kế hoạch là 20%.

+ Đối với khoản đầu tư tại Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn (tỷ lệ sở hữu của Cảng là 16,68% VDL): Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là kinh doanh xếp dỡ, kho bãi, hiện Công ty đang cho Cảng Quy Nhơn thuê khai thác cầu 5. Lợi nhuận năm 2021 Công ty là 29,37 tỷ đồng, cổ tức cho cổ đông ở mức 18% vốn điều lệ.

+ Đối với khoản đầu tư tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam: Đây là khoản đầu tư ngoài ngành, tỷ lệ nắm giữ của cảng thấp. Kể từ năm 2012 đến nay, ngân hàng không chia cổ tức. ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã thông qua chủ trương về việc thoái vốn tại Ngân hàng này. Đề nghị Cảng lựa chọn thời điểm phù hợp triển khai thoái vốn tại MSB bổ sung nguồn vốn kinh doanh cho Cảng.

5. Công tác đầu tư và quản lý tài sản:

a. Tình hình mua sắm, nhượng bán TSCĐ:

+ Mua sắm TSCĐ: Trong năm 2021, Cảng Quy Nhơn đã hoàn thành dự án mua sắm máy móc, thiết bị, phần mềm CNTT gồm: Phần mềm quản lý, phần mềm thu cước cơ sở hạ tầng, phần mềm quản lý nhân sự tiền lương giai đoạn 2,...), với tổng giá trị tài sản hình thành qua đầu tư mua sắm là 9,42 tỷ đồng.

+ Nhượng bán TSCĐ: Trong năm 2021, Cảng Quy Nhơn đã thực hiện thanh lý một số thiết bị đã cũ, hết khấu hao. Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ là 424,7 triệu đồng.

b. Đầu tư XDCB:

Trong năm 2021, Công ty thực hiện hoàn thành các dự án xây dựng cơ bản gồm: Cửa hàng xăng dầu Cảng Quy Nhơn; Công ty Công trình cải tạo, nâng cấp công cảng, cải tạo kho 11,.. với tổng giá trị tài sản hình thành qua đầu tư là 26,4 tỷ đồng. Các dự án của Cảng hầu hết đều bị tình trạng chậm công tác quyết toán vốn dự án hoàn thành. BKS đã rà soát và kiến nghị vấn đề này đối với Công ty.

c. Tình hình trích khấu hao TSCĐ:

Cảng Quy Nhơn trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của

Bộ Tài chính. Trong năm 2021, Cảng Quy Nhơn đã thực hiện trích khấu hao tài sản cố định số tiền là 43.725 triệu đồng. Trong đó, khấu hao tài sản cố định hữu hình là 43.079 triệu đồng, khấu hao tài sản vô hình là 646 triệu đồng.

6. Về lao động, tiền lương:

6.1. Tình hình lao động:

Tổng số lao động bình quân năm 2021 là 821 người, giảm 0,48% so với kế hoạch và giảm 0,9% so với thực hiện năm 2020. Trong năm 2021, số người nghỉ hưu, thôi việc là 19 người, tuy nhiên do ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh Covid 19 bùng phát mạnh giai đoạn từ tháng 5/2021 đến tháng 10/2021 tại khu vực Quy Nhơn nên công tác tuyển dụng lao động đáp ứng theo yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và theo phương án tái cơ cấu một số đơn vị trực thuộc chưa đảm bảo kế hoạch đề ra, do đó việc tuyển dụng và sử dụng lao động thấp hơn so với kế hoạch được duyệt.

6.2. Về tiền lương:

- Công ty chi trả tiền lương theo quy định của Công ty và đóng BHXH cho NLĐ đúng theo quy định của nhà nước. Thực hiện chi trả tiền lương đảm bảo theo kế hoạch, tiền lương bình quân năm 2021 của Công ty đạt 18 triệu đồng/người/tháng tăng 18,5% so với thực hiện năm 2020. Việc trích quỹ lương tuân thủ chỉ đạo của cổ đông lớn.

6.3. **Tình hình chi trả thù lao:** Công ty thực hiện chi trả đúng mức thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 9/6/2021. Tổng mức thù lao đã chi trả là 516 triệu đồng.

7. Về nghĩa vụ với nhà nước

Việc kê khai, quyết toán thuế định kỳ trong năm 2021: Cảng Quy Nhơn đã thực hiện kê khai, quyết toán và nộp nghĩa vụ ngân sách Nhà nước theo đúng quy định.

8. Về xây dựng, ban hành quy chế, quy định quản lý nội bộ:

Trong năm 2021, Cảng Quy Nhơn đã ban hành một số quy chế, quy định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phù hợp với Điều lệ công ty và quy định của pháp luật, tạo cơ sở cho việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021, ĐHĐCĐ đã thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung đối với Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS. Sau cuộc họp ĐHĐCĐ, Công ty đã ban hành Điều lệ và các quy chế đã được thông qua để căn cứ áp dụng thực hiện.

Theo đó, trên cơ sở Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán mới ban hành và Điều lệ Công ty đã sửa đổi, bổ sung, Cảng cũng cần phải rà soát, xây dựng, sửa đổi hoàn thiện một số quy chế, quy định có liên quan theo như Ban Kiểm soát đã đề nghị, bao gồm: Quy chế Quản lý tài chính; Quy chế Quản lý, sử dụng các quỹ; Quy chế Chi tiêu nội bộ; Quy chế Công bố thông tin; Quy chế mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ, phụ tùng vật tư, nhiên liệu; Quy chế tiền lương; ...

9. Về công bố thông tin:

Trong năm 2021, Cảng Quy Nhơn đã thực hiện đầy đủ về việc công bố thông tin định kỳ như: báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, báo cáo tình hình quản trị công ty, việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên, ...

Đối với việc công bố thông tin bất thường, Công ty lưu ý về thời hạn công bố thông tin theo quy định.

10. Báo cáo đánh giá về các giao dịch:

Tài Điều 167 Luật Doanh nghiệp quy định về việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan, ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan theo quy định.

Trong năm 2021, Cảng Quy Nhơn có phát sinh hợp đồng, giao dịch với một số doanh nghiệp được xác định là người có liên quan, bao gồm: Cảng Hải Phòng (Hợp đồng số 02/CPH-CQN/2020 ngày 29/12/2020); Công ty Vận tải biển VIMC (Hợp đồng số 11/HĐKT/Container/2021); Chi nhánh Vosa Quy Nhơn (Hợp đồng số 138/DLY/2021/01); Ban Quản lý dự án chuyên ngành hàng hải VIMC (Hợp đồng số 01/2021/QLDA-CQN-DTB ngày 04/3/2021, Hợp đồng số 02/2021/QLDA-CQN ngày 18/6/2021); ...

Các hợp đồng, giao dịch nêu trên đều đã được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty và Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo quy định.

PHẦN III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2022

Căn cứ vào hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, Ban Kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động năm 2022 cụ thể như sau:

1. Giám sát việc chấp hành Điều lệ của công ty, pháp luật của nhà nước. Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

2. Kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư của Cảng Quy Nhơn đã được ĐHĐCĐ thông qua. Thẩm tra, giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc theo đúng chức năng nhiệm vụ.

3. Tiến hành thẩm tra các báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính giữa niên độ và năm 2022, giám sát tình hình đầu tư góp vốn của Cảng Quy Nhơn, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn góp;

4. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp có nội dung liên quan để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

5. Tăng cường công tác phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty thực hiện đầy đủ và tốt nhất Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Trên đây là toàn bộ nội dung Báo cáo giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cảng Quy Nhơn năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban Kiểm soát.

Trân trọng báo cáo./.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỜNG BAN



Dương Thị Hồng Hạnh

Số: *117*/BC-QNP

Quy Nhơn, ngày *27* tháng 6 năm 2022

**BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐTXD NÂNG CẤP
BẾN SỐ 1 - CẢNG QUY NHƠN**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc thông qua chủ trương đầu tư Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc thông qua báo cáo tiến độ thực hiện Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo tóm tắt quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 – Cảng Quy Nhơn đến thời điểm hiện tại và kế hoạch dự kiến, như sau:

I. Thực hiện các thủ tục pháp lý của dự án và tiến độ thực hiện dự án.

1. Cơ sở thực hiện.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Bộ Luật hàng hải Việt Nam số 95/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;
- Các Nghị định của Chính phủ có liên quan: Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;



- Quyết định số 1037/QĐ-TTg ngày 24/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến 2030;

- Quyết định số 2370/QĐ-BGTVT ngày 29/07/2016 của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Nam Trung Bộ (nhóm 4);

- Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 05/09/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2.000 mở rộng cảng Quy Nhơn giai đoạn năm 2020-2030 và tầm nhìn sau năm 2030; Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 08/3/2018 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt điều chỉnh cục bộ đồ án quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2.000 mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030;

- Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 mở rộng cảng Quy Nhơn đến năm 2030;

- Văn bản số 219/TB-UBND ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

- Nghị quyết số 27/NQ-ĐHCD ngày 05/02/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thông qua chủ trương đầu tư dự án nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn;

- Nghị quyết 120/NQ-HĐQT ngày 14/11/2019 của HĐQT Công ty CP Cảng Quy Nhơn về việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 mở rộng Cảng Quy Nhơn, thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 Cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 112/QĐ-HĐQT ngày 31/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp Bến số 1 – Cảng Quy Nhơn.

- Thông báo số 1108/CQLXD-CCPN ngày 28/4/2022 của Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông - Bộ Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế Bản vẽ thi công đối với Dự án ĐTXD nâng cấp bến số 1 cảng Quy Nhơn;

- Quyết định số 71/QĐ-HĐQT ngày 05/5/2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công các hạng

002
: Q N
: O P
C A
U Y
V H O I

mục Bến số 1, cấp điện chiếu sáng, cấp nước chữa cháy và PCCC, cấp nước sinh hoạt thuộc dự án đầu tư xây dựng Nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

- Công văn số 1364/SXD-HTKT ngày 07/5/2022 của Sở Xây dựng ý kiến về miễn giấy phép xây dựng công trình Đầu tư xây dựng Nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn.

2. Hồ sơ pháp lý dự án:

Đến thời điểm hiện tại hồ sơ pháp lý dự án đã được hoàn thiện. Báo cáo nghiên cứu khả thi sau khi được thẩm tra và thẩm định đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chi tiết như sau:

2.1 Chủ trương đầu tư dự án.

Dự án đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua tại Nghị quyết số 27/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/02/2020 và được UBND tỉnh Bình Định chấp thuận chủ trương đầu tư, đồng thời chấp nhận nhà đầu tư dự án ban hành tại Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 29/6/2021.

2.2 Thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật tuyến bến.

Ngày 30/6/2020, Cục Hàng hải Việt Nam có văn bản số 2289/CHHVN-KHĐT và văn bản số 2193/CHHVN-KHĐT ngày 07/6/2021 về việc thỏa thuận vị trí, thông số kỹ thuật chi tiết của Dự án làm căn cứ để Chủ đầu tư (Cảng Quy Nhơn) triển khai trình duyệt, thực hiện Dự án theo quy định.

Ngày 22/6/2022, Cục Hàng hải Việt Nam ban hành Công văn số 2066/CHHVN-KHĐT ngày 22/6/2022 đồng ý thỏa thuận vị trí, quy mô khu nước trước bến, vùng quay tàu của cầu cảng số 1 - Bến cảng Quy Nhơn.

2.3 Lập quy hoạch chi tiết 1/500 mở rộng Cảng Quy Nhơn.

Đã hoàn thành công tác lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Mở rộng Cảng Quy Nhơn đến năm 2030 và được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 4013/QĐ-UBND ngày 29/9/2020.

2.4 Thẩm định thiết kế cơ sở

Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đã được Bộ GTVT thẩm định Thiết kế cơ sở theo công văn số 2591/CQLXD-HHĐT ngày 26/10/2020 Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của Dự án.

2.5 Lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Hoàn thành lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án và được UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1109/QĐ-UBND ngày 31/3/2021.

2.6 Phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến 1 - Cảng Quy Nhơn.

Sau khi hoàn thành các thủ tục pháp lý đầu tư dự án theo quy định của pháp luật, theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, ngày 31/5/2021 Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Quyết định số 112/QĐ-HĐQT phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - Cảng Quy Nhơn với Tổng mức đầu tư xây dựng là 546 tỷ đồng.

2.7 Thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

Ngày 14/9/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 3812/QĐ-UBND chấp thuận cho công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thuê đất để thực hiện dự án. Ngày 20/5/2022 Cảng Quy Nhơn và Sở Tài nguyên và Môi trường đã ký hợp đồng thuê đất số 85/HĐ-TĐ và Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT17866.

2.8 Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công:

Ngày 28/4/2022, Cục quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông đã hoàn thành thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và ban hành Thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công hạng mục bến 1 số 1108/CQLXD-CCPN ngày 28/4/2022.

2.9 Giấy phép xây dựng, phương án đảm bảo an toàn hàng hải, PCCC:

Sau khi hoàn thành thẩm định và phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, ngày 23/5/2022 đã trình hồ sơ xin phép xây dựng. Ngày 27/5/2022, Sở Xây dựng Bình Định ban hành văn bản số 1364/SXD-HTKT ngày 27/5/2022 về việc dự án đã hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết đủ điều kiện thi công xây dựng công trình.

Hoàn thành lập và phê duyệt phương án đảm bảo an toàn hàng hải tại Quyết định số 392/QĐ-CVHHQNh ngày 27/4/2022.

Dự án đã được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 35/TD-PCCC ngày 27/4/2022 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Bình Định.

III. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư và kế hoạch triển khai dự án:

Hoàn thành thi công rà phá bom mìn trong tháng 3/2022. Ngày 08/5/2022, bắt đầu tổ chức thi công cọc thử theo giấy phép số 1150/SXD-QLXD&VL ngày 09/5/2022 của Sở Xây dựng Bình Định. Ngày 03/6/2022 hoàn thành thi công cọc thử, khởi công thi công xây dựng công trình. Đến thời điểm hiện tại tại nhà thầu thực hiện sản xuất cọc đại trà cho dự án và đúc các vỏ dầm.

- Thời gian thi công xây dựng công trình dự kiến phần đầu hoàn thành trong 12 tháng, dự kiến hoàn thành công trình trong quý II/2023. Cuối quý II/2022 tới tháng 7/2023 hoàn thành nghiệm thu với cơ quan quản lý nhà nước, xin phép công bố mở bến và đưa vào khai thác, hoạt động.

II. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai dự án:

Quá trình thực hiện triển khai dự án gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tiến độ dự án, cụ thể là:

1. Dịch covid 19 diễn biến phức tạp và tới cao điểm trong năm 2021, tỉnh Bình Định là một trong những điểm nóng của dịch Covid và phải thực hiện giãn cách xã hội thậm chí phong tỏa một số khu vực để phòng chống dịch, dịch bệnh phức tạp đã gây nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện dự án, khả năng tiếp cận thực địa của nhà thầu thiết kế, khảo sát địa chất, quá trình trao đổi làm việc với cơ quan nhà nước về pháp lý dự án gặp nhiều khó khăn, chậm trễ dẫn đến tiến độ triển khai dự án không đáp ứng được tiến độ đã xây dựng ban đầu.

2. Giá vật liệu, xăng dầu biến động tăng mạnh ảnh hưởng đến quá trình lập dự toán thi công xây dựng công trình, phải liên tục cập nhật điều chỉnh để đảm bảo tiết kiệm tối đa chi phí đầu tư xây dựng công trình, để dự án đạt được hiệu quả, tính khả thi cao nhất.

3. Nhiều Văn bản pháp lý về đầu tư xây dựng, đất đai, môi trường sửa đổi và ban hành trong năm 2021 và 2022, do đó cần phải cập nhật điều chỉnh dự án theo quy định của pháp luật.

4. Thời tiết tại biển Quy Nhơn từ đầu năm 2022 đến nay có nhiều biến động phức tạp ảnh hưởng nhiều đến quá trình khảo sát địa chất phục vụ thi công và thi công xây dựng công trình.

Trên đây là báo cáo tiến độ dự án và kế hoạch triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 - cảng Quy Nhơn. Hội đồng quản trị công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban TGD; Ban KS Cty;
- Lưu VT, N. PTQT Cty.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

BÁO CÁO

**Tiến độ niêm yết chứng khoán Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn
tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Tổ niêm yết chứng khoán kính báo cáo quá trình thực hiện niêm yết chứng khoán Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và hiện trạng hồ sơ:

1. Ngày 07/8/2020 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 196/NQ-HĐQT về việc niêm yết cổ phiếu QNP trên sàn chứng khoán HOSE; thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông để nộp hồ sơ đăng ký niêm yết là ngày 18/8/2020; lựa chọn đơn vị tư vấn niêm yết cổ phiếu là Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC).

2. Ngày 11/8/2020 Hội đồng quản trị Cảng Quy Nhơn gửi công văn thông báo tới Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) ngày đăng ký cuối cùng dừng thực hiện việc chuyển quyền sở hữu và chốt danh sách cổ đông để phục vụ nộp hồ sơ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn vào ngày 20/8/2020.

3. Ngày 12/8/2020 Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam gửi công văn số 7341/VSD-ĐK.NV về việc chốt danh sách cổ đông và ngừng nhận hồ sơ chuyển quyền sở hữu chứng khoán - mã chứng khoán QNP cho Cảng Quy Nhơn.

4. Ngày 27/8/2020 Cảng Quy Nhơn ký hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), thời gian thực hiện tư vấn dự kiến 13 tuần.

5. Ngày 07/10/2020 Cảng Quy Nhơn đã nộp bộ hồ sơ niêm yết lần đầu đến HOSE. Sau khi xem xét hồ sơ, ngày 09/10/2020 HOSE có công văn số 1580/SGDHCM-NY về việc chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết. Cảng Quy Nhơn đã giải trình và cung cấp đầy đủ hồ sơ tại văn bản số 1856/QNP-TCKT ngày 23/10/2020.

6. Cảng Quy Nhơn gửi văn bản số 2028/QNP-TCKT ngày 17/11/2020 giải trình bổ sung về việc báo cáo về tranh chấp pháp lý với Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long theo yêu cầu của HOSE.

7. Sau khi nhận đầy đủ hồ sơ, ngày 23/11/2020 HOSE ban hành Thông báo số 1925/TB-SGDHCM về việc nhận hồ sơ đăng ký niêm yết lần đầu của Cảng Quy Nhơn, thời gian nhận hồ sơ ngày 19/11/2020.



8. HOSE có công văn số 1971/SGDHCM-NY ngày 02/12/2020 về việc chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết. Thực hiện yêu cầu của HOSE, Cảng Quy Nhơn đã có công văn 177/CV-QNP ngày 30/01/2021 giải trình và bổ sung hồ sơ niêm yết của Cảng Quy Nhơn tại HOSE.

9. Ngày 11/01/2021 HOSE có công văn số 20/SGDHCM-NY về việc bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết yêu cầu Cảng Quy Nhơn bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định mới của Luật Chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Cảng Quy Nhơn đã có văn bản số 250/CV-QNP ngày 24/02/2021 phúc đáp nội dung trên.

10. Ngày 01/01/2021 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán có hiệu lực. Theo đó, Cảng Quy Nhơn đã đáp ứng các điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định mới tại Điều 109 và Điều 110 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Đến nay do chưa có văn bản hướng dẫn chi tiết về điều kiện niêm yết cổ phiếu, vì vậy hồ sơ của các công ty nộp lên HOSE đang trong trạng thái chờ. HOSE chưa có văn bản chính thức gửi Cảng Quy Nhơn về tình trạng hồ sơ niêm yết.

11. Ngày 17/08/2021 Cảng Quy Nhơn đã có công văn số 1341/QNP-TCKT về việc rà soát việc xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết gửi Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh “Đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM thông tin chi tiết tình trạng hồ sơ của Cảng Quy Nhơn đã xử lý như thế nào và các tồn tại, vướng mắc ... để công ty có căn cứ giải trình và trả lời cho cổ đông cũng như các cơ quan hữu quan có liên quan về việc chậm trễ trong công tác niêm yết cổ phiếu của Cảng Quy Nhơn.”

12. Ngày 31/08/2021 HOSE có công văn số 1083/SGDHCM-NY về việc bổ sung Hồ sơ đăng ký niêm yết.

13. Ngày 12/10/2021 Cảng Quy Nhơn đã nộp bổ sung bộ hồ sơ niêm yết lần đầu đến HOSE cùng công văn số 1719/CV-QNP ngày 12/10/2021 theo yêu cầu tại công văn số 1083/SGDHCM-NY ngày 31/08/2021 của HOSE. Theo đó, Cảng Quy Nhơn đã cập nhật và nộp lại Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu; Bản cáo bạch; Danh sách người nội bộ, cổ đông lớn, cổ đông chiến lược và nhóm người có liên quan.

14. Ngày 23/11/2021 Cảng Quy Nhơn gửi công văn số 2001/CV-QNP đến Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC xin ý kiến về Thuyết minh 35 của BCTC 6 tháng năm 2020.

15. Ngày 10/12/2021 HOSE gửi văn bản số 1658/SGDHCM-NY về việc bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết. Theo đó, HOSE yêu cầu Cảng bổ sung: Báo cáo tài chính quý 3/2021; Điều lệ Công ty; QĐ phê duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa; Công văn của UBCKNN về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty theo quy định tại Điều 141 Nghị định 155; Sổ đăng ký cổ đông được lập trong thời hạn 1 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết và tóm tắt sổ cổ đông; Công văn số 2001/CV-QNP đến Công ty

02587
CÔNG TY
PHẦN
CỔ ĐÔNG
CẢNG
QUY NHƠN
N-T. B. B.

TNHH hãng kiểm toán AASC xin ý kiến về Thuyết minh 35 của BCTC 6 tháng năm 2020.

16. Đến ngày 19/01/2022 Cảng Quy Nhơn đã hoàn thành và nộp các hồ sơ theo yêu cầu của HOSE.

17. Đến ngày 29/03/2022 Cảng Quy Nhơn đã cập nhật và nộp các hồ sơ theo yêu cầu của HOSE.

18. Đến ngày 31/03/2022 Sở giao dịch chứng khoán TP HCM có công văn số 347/SGDHCM-NY về việc bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

19. Ngày 18/04/2022 Cảng Quy Nhơn đã cập nhật và nộp mới toàn bộ các hồ sơ theo yêu cầu của HOSE.

20. Ngày 26/04/2022 Sở giao dịch chứng khoán TP HCM có công văn số 635/SGDHCM-NY về việc chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

21. Tại công văn số 659/QNP-TCKT ngày 24/05/2022 Cảng Quy Nhơn đã phản hồi, phúc đáp các nội dung công văn số 635/SGDHCM-NY của sở giao dịch chứng khoán TP HCM – HOSE.

22. Ngày 09/06/2022 Sở giao dịch chứng khoán TP HCM có công văn số 997/SGDHCM-NY bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết.

23. Ngày 22/06/2022 Cảng Quy Nhơn đã phản hồi, phúc đáp các nội dung công văn số 997/SGDHCM-NY của sở giao dịch chứng khoán TP HCM – HOSE.

24. Các công việc cần làm tiếp theo:

Cảng Quy Nhơn đang chờ kết quả thẩm định hồ sơ niêm yết của HOSE.

Trên đây là báo cáo quá trình thực hiện niêm yết cổ phiếu QNP tại HOSE.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như trên;
- HĐQT Cty (báo cáo);
- Ban TGĐ; Ban KS Cty;
- Lưu VT, N. PTQT Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]

Phạm Anh Tuấn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

Số: *144*/BC-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 06 năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2021. Hội đồng quản trị Công ty kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông quá trình chuyển đổi Xí nghiệp KDDVTH - Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn thành Công ty TNHH MTV, cụ thể như sau:

I. Công việc đã thực hiện:

- Ra Quyết định thành lập số: 75/QĐ-HĐQT ngày 16/5/2022 về việc thành lập Công ty TNHH MTV dịch vụ Logictise cảng Quy Nhơn.

- Hoàn thành đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn (Giấy phép ĐKKD cấp ngày 01/06/2022, mã số doanh nghiệp: 4101616138).

- Đã thực hiện công tác cán bộ cho Công ty, cụ thể như sau:

+ Quyết định số 87/QĐ-HĐQT ngày 25/5/2022 về việc bổ nhiệm Chủ tịch Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn;

+ Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn đã ra quyết định số: 01/QĐ-QNPLGS.CT ngày 19/6/2022 về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn;

+ Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn đã ra quyết định số: 02/QĐ-QNPLGS.CT ngày 19/6/2022 về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn;

+ Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn đã ra quyết định số: 03/QĐ-QNPLGS.CT ngày 19/6/2022 về việc tiếp nhận và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn.



- Thực hiện các công tác chuẩn bị nhân sự cho Công ty (tiếp nhận toàn bộ cán bộ công nhân viên từ Xí nghiệp KDDVTH, soạn thảo các hợp đồng lao động, các thủ tục bổ nhiệm các chức danh khác theo quy trình,..).

- Thực hiện các hợp đồng kinh doanh với Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn, và với các đối tác khách hàng của Công ty, ...

- Tiến hành thông báo đến các khách hàng, đối tác về việc chuyển đổi từ Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp – Chi nhánh Cảng Quy Nhơn thành Công ty TNHH MTV Dịch vụ Logistics Cảng Quy Nhơn.


- Dự kiến ngày 01/07/2022 Công ty TNHH MTV dịch vụ logistics Cảng Quy Nhơn chính thức đi vào hoạt động.

*** Đối với Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ Tổng hợp:**

- Đã thông báo với đối tác và khách hàng về việc dừng kinh doanh của Xí nghiệp kể từ 01/7/2022.

- Dự kiến chấm dứt hoạt động của Xí nghiệp Kinh doanh dịch vụ Tổng hợp sau 06 tháng kể từ ngày 01/7/2022, sau khi giải quyết xong các công việc tồn đọng của Xí nghiệp, chủ yếu chính là công nợ với các khách hàng và đối tác.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận: 
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Phạm Anh Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN

Số: 150 /Tr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 13 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 11 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty thông qua ngày 09/6/2021.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 như sau:

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021

1/Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 (số liệu đã kiểm toán) so với kế hoạch

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ% so kế hoạch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1.311.226.260.274	871.815.557.949	150%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	427.096.203		
3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	1.310.799.164.071	871.815.557.949	150%
4. Giá vốn hàng bán	11	822.050.663.291	653.545.025.612	126%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	488.748.500.780	218.270.532.337	224%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	18.332.084.433	11.223.463.266	163%
7. Chi phí tài chính	22	787.647.296	990.000.000	80%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết	24			



Chỉ tiêu	Mã số	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	Tỷ lệ% so kế hoạch
9. Chi phí bán hàng	25	10.763.888.674	8.043.697.407	134%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	75.054.094.735	61.566.158.673	122%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30	420.474.954.508	158.894.139.523	265%
12. Thu nhập khác	31	2.338.700.140	2.105.860.477	111%
13. Chi phí khác	32	9.363.340.262	1.000.000.000	936%
14. Lợi nhuận khác (40=31-23)	40	(7.024.640.122)	1.105.860.477	-635%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	413.450.314.386	160.000.000.000	258%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	82.577.524.418	32.000.000.000	258%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	330.872.789.968	128.000.000.000	258%
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61			
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	8.188	3.168	258%

2/ Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính : đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2021	Số đầu năm 31/12/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		795.692.979.474	481.186.219.971
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	104.327.380.740	55.673.440.424
Tiền	111		59.327.380.740	45.673.440.424
Các khoản tương đương tiền	112		45.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	352.000.000.000	221.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2021	Số đầu năm 31/12/2020
			352.000.000.000	221.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		278.894.883.804	182.366.467.173
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.03	225.501.406.095	169.087.593.192
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		51.814.431.565	15.011.640.148
Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.04	8.630.549.799	4.116.827.722
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(7.051.503.655)	(5.849.593.889)
Hàng tồn kho	140		20.764.987.267	19.086.245.180
Hàng tồn kho	141	VI.07	20.764.987.267	19.086.245.180
Tài sản ngắn hạn khác	150		39.705.727.663	3.060.067.194
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13	34.920.570.885	3.060.067.194
Thuế GTGT được khấu trừ	152		880.523.320	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.904.633.458	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		258.219.888.869	265.662.619.340
Các khoản phải thu dài hạn	210		7.448.273.000	101.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	VI.04	7.448.273.000	101.000.000
Tài sản cố định	220		203.709.799.012	210.761.118.728
Tài sản cố định hữu hình	221	VI.09	200.708.128.790	208.974.762.148
<i>Nguyên giá</i>	222		1.112.772.327.266	1.087.399.342.711
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(912.064.198.476)	(878.424.580.563)

58
 GT
 HÃ
 NG
 NH
 V-T

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 31/12/2021	Số đầu năm 31/12/2020
Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	3.001.670.222	1.786.356.580
<i>Nguyên giá</i>	228		8.487.611.111	7.440.542.311
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.485.940.889)	(5.654.185.731)
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.845.031.679	16.376.722.306
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.08	10.845.031.679	16.376.722.306
Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.204.812.000	27.075.920.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7.608.000.000	7.608.000.000
Đầu tư dài hạn khác	253	VI.02	19.596.812.000	19.467.920.000
Tài sản dài hạn khác	260		9.011.973.178	11.347.858.306
Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13	9.011.973.178	11.347.858.306
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.053.912.868.343	746.848.839.311


NGUỒN VỐN			Số cuối kỳ 31/12/2021	Số đầu năm 31/12/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		210.671.709.581	145.173.316.271
Nợ ngắn hạn	310		210.671.709.581	145.173.316.271
Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	139.690.438.483	31.001.856.673
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.590.580.601	2.828.528.564
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	20.496.433.113	19.375.035.645
Phải trả người lao động	314		36.711.316.914	38.902.258.523

NGUỒN VỐN			Số cuối kỳ 31/12/2021	Số đầu năm 31/12/2020
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	4.682.576.747	43.507.713.152
Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	2.406.224.959	3.166.447.196
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.094.138.764	6.391.476.518
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VI.25	843.241.158.762	601.675.523.040
Vốn chủ sở hữu	410		843.241.158.762	601.675.523.040
Vốn góp của chủ sở hữu	411		404.099.500.000	404.099.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		404.099.500.000	404.099.500.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		109.956.693.176	86.511.705.829
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		329.184.965.586	111.064.317.211
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(1.687.824.382)	(2.153.101.888)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		330.872.789.968	113.217.419.099
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	600		1.053.912.868.343	746.848.839.311

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như trên
- HĐQT, BKS,
- Ban tổng giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT.



Phạm Anh Tuấn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUY NHƠN

Ông năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được Kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 43
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trước đây là Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần ngày 28/10/2013 của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 cấp lần đầu ngày 25/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01/07/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quý Hà	Thành viên	
Ông Lý Quang Thái	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 09/06/2021)
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 09/06/2021)
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Tuấn Linh	Tổng Giám đốc
Ông Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Dưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Phản Ban Tổng Giám đốc

Phản Tuấn Linh

Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 10 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn được lập ngày 10/03/2022, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến thuyết minh số 34 Phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang trình bày khoản nợ tiềm tàng phát sinh từ nghĩa vụ nợ hiện tại liên quan đến tranh chấp giữa Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long đang được xử lý tại cơ quan Tòa án. Vào ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã tiến hành xét xử phúc thẩm và ra quyết định hủy toàn bộ bản án sơ thẩm ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Ngày 11/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý vụ án, vụ việc tiếp tục được giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Công ty tiếp tục đánh giá sẽ không phải gánh chịu các khoản phải thanh toán có thể dẫn đến làm giảm sút lợi ích về kinh tế từ vụ án này nên Công ty đang trình bày thông tin về nghĩa vụ nợ nêu trên như một khoản nợ tiềm tàng trong báo cáo tài chính kèm theo.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.



Đỗ Thị Ngọc Dung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2018-002-1

76
Y
N
B
HC
/

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		795.692.979.474	481.186.219.971
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	104.327.380.740	55.673.440.424
111	1. Tiền		59.327.380.740	45.673.440.424
112	2. Các khoản tương đương tiền		45.000.000.000	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	352.000.000.000	221.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		352.000.000.000	221.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		278.894.883.804	182.366.467.173
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	225.501.406.095	169.087.593.192
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	51.814.431.565	15.011.640.148
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.630.549.799	4.116.827.722
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.051.503.655)	(5.849.593.889)
140	IV. Hàng tồn kho	9	20.764.987.267	19.086.245.180
141	1. Hàng tồn kho		20.764.987.267	19.086.245.180
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.705.727.663	3.060.067.194
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	34.920.570.885	3.060.067.194
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		880.523.320	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	3.904.633.458	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		258.219.888.869	265.662.619.340
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		7.448.273.000	101.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	7.448.273.000	101.000.000
220	II. Tài sản cố định		203.709.799.012	210.761.118.728
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	200.708.128.790	208.974.762.148
222	- Nguyên giá		1.112.772.327.266	1.087.399.342.711
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(912.064.198.476)	(878.424.580.563)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.001.670.222	1.786.356.580
228	- Nguyên giá		8.487.611.111	7.440.542.311
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.485.940.889)	(5.654.185.731)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		10.845.031.679	16.376.722.306
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	10.845.031.679	16.376.722.306
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	27.204.812.000	27.075.920.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		7.608.000.000	7.608.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		19.596.812.000	19.467.920.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.011.973.178	11.347.858.306
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	9.011.973.178	11.347.858.306
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.053.912.868.343	746.848.839.311



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		210.671.709.581	145.173.316.271
310	1. Nợ ngắn hạn		210.671.709.581	145.173.316.271
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	139.690.438.483	31.001.856.673
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	2.590.580.601	2.828.528.564
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	20.496.433.113	19.375.035.645
314	4. Phải trả người lao động		36.711.316.914	38.902.258.523
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.682.576.747	43.507.713.152
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.406.224.959	3.166.447.196
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.094.138.764	6.391.476.518
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		843.241.158.762	601.675.523.040
410	1. Vốn chủ sở hữu	19	843.241.158.762	601.675.523.040
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		404.099.500.000	404.099.500.000
411a	Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		404.099.500.000	404.099.500.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		109.956.693.176	86.511.705.829
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		329.184.965.586	111.064.317.211
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(1.687.824.382)	(2.153.101.888)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		330.872.789.968	113.217.419.099
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.053.912.868.343	746.848.839.311

H. HUU 2
Nguyễn Thị Hào
Người lập biểu

Kim
Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng



Phan Tuấn Linh
Tổng Giám đốc
Bình Định, ngày 10 tháng 03 năm 2022


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.311.226.260.274	834.558.119.081
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	427.096.203	3.952.154.692
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.310.799.164.071	830.605.964.389
11	4. Giá vốn hàng bán	23	822.050.663.291	631.407.266.774
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		488.748.500.780	199.198.697.615
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	18.332.084.433	19.139.241.207
22	7. Chi phí tài chính	25	787.647.296	227.588.894
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	26	10.763.888.674	9.050.581.176
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	75.054.094.735	68.569.088.145
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		420.474.954.508	140.490.680.607
31	11. Thu nhập khác	28	2.338.700.140	2.760.394.710
32	12. Chi phí khác	29	9.363.340.262	540.678.436
40	13. Lợi nhuận khác		(7.024.640.122)	2.219.716.274
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		413.450.314.386	142.710.396.881
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	82.577.524.418	29.492.977.782
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>330.872.789.968</u>	<u>113.217.419.099</u>
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	8.188	2.802


Nguyễn Thị Hào
Người lập biểu


Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng




Phan Tuấn Linh
Tổng Giám đốc
Bình Định, ngày 10 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		413.450.314.386	142.710.396.881
	2. Điều chỉnh cho các khoản		26.888.442.278	27.717.855.275
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		43.724.812.297	46.951.746.349
03	- Các khoản dự phòng		1.201.909.766	2.029.916.212
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		230.181.485	46.908.257
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(18.445.641.205)	(21.310.715.543)
07	- Các khoản điều chỉnh khác		177.179.935	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		440.338.756.664	170.428.252.156
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(108.032.248.885)	(23.581.010.855)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.678.742.087)	(7.627.924.696)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		77.736.294.886	14.606.027.764
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(29.524.618.563)	(7.604.560.051)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(81.235.976.529)	(25.724.315.126)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.907.577.000)	(16.863.647.110)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		274.695.888.486	103.632.822.082
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(42.313.986.788)	(22.880.494.557)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		676.359.697	2.717.597.725
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(486.000.000.000)	(200.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		355.000.000.000	124.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(128.892.000)	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		16.120.676.323	17.649.956.431
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(156.645.842.768)	(78.512.940.401)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(69.235.690.600)	(64.128.327.700)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(69.235.690.600)	(64.128.327.700)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)
(Tiếp theo)

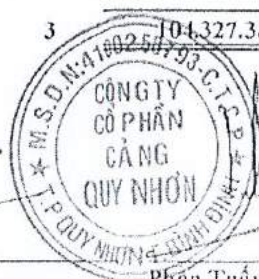
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		48.814.355.118	(39.008.446.019)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.673.440.424	94.688.359.369
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(160.414.802)	(6.472.926)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>104.327.380.740</u>	<u>55.673.440.424</u>

Nguyễn Thị Hào

Nguyễn Thị Hào
Người lập biểu

Nguyễn Kim Toàn

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng



Phan Tuấn Linh
Phan Tuấn Linh
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 10 tháng 03 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trước đây là Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần ngày 28/10/2013 của Đại hội đồng cổ đông.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4100258793 cấp lần đầu ngày 25/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01/07/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 404.099.500.000 đồng, tương đương 40.409.950 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 821 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 827 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh dịch vụ cảng, bến cảng và các dịch vụ hỗ trợ có liên quan.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng. Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển;
- Dịch vụ đưa đón tàu ra vào cảng, hỗ trợ, lai dắt tàu ra biển; kinh doanh kho bãi, kho ngoại quan;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đại lý vận tải hàng hóa; đại lý tàu biển; đại lý vận tải thủy bộ; vận tải đa phương thức;
- Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ khai thác cảng và kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu;
- Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm cơ khí;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, sửa chữa phương tiện vận tải bộ, sửa chữa phương tiện vận tải thủy;
- San lấp mặt bằng, xây dựng, sửa chữa cầu cảng;
- Gia công lắp ghép các bộ phận của cầu và bến cảng, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Sản xuất đồ gỗ;
- Dịch vụ ăn uống, cung ứng lương thực thực phẩm cho tàu biển.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm, sản lượng bốc xếp, lưu kho bãi của hàng siêu trường, siêu trọng qua Cảng Quy Nhơn tăng mạnh chủ yếu là máy móc, thiết bị của các nhà đầu tư thuộc các dự án điện gió tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên. Tình hình dịch bệnh covid - 19 đã được kiểm soát tốt hơn nên các đơn vị sản xuất tại khu vực có điều kiện tập trung sản xuất hàng hóa phục vụ cho thị trường xuất khẩu, nhờ đó sản lượng hàng hóa bốc xếp qua Cảng cũng tăng lên đáng kể. Trong năm, Công ty cũng đã khai trương Cửa hàng xăng dầu mới vì vậy sản lượng bán hàng hóa là xăng, dầu cũng tăng đáng kể so với năm trước. Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và kết quả kinh doanh năm nay của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ Tổng hợp	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
Xí nghiệp Sửa chữa Cơ khí	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác

Thông tin về công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại thuyết minh số 4.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và của Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ... đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư tài chính dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không năm hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có năm hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ căn cứ vào báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối trọng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại dịch vụ hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 08 năm

2.11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 6 tháng đến 12 tháng.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

2.22. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.24. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ cảng, bến cảng và dịch vụ hỗ trợ có liên quan. Đồng thời, hoạt động của Công ty chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	302.904.107	647.726.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.024.476.633	29.909.439.321
Tiền đang chuyển	-	15.116.274.603
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	45.000.000.000	10.000.000.000
	<u>104.327.380.740</u>	<u>55.673.440.424</u>

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có tổng giá trị 45.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 3,3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	352.000.000.000	-	221.000.000.000	-
	<u>352.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>221.000.000.000</u>	<u>-</u>

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2021, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng có tổng giá trị 352.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất từ 3,7%/năm đến 5,9%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	7.608.000.000	-	7.608.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	7.608.000.000	-	7.608.000.000	-
Các khoản đầu tư khác	19.596.812.000	-	19.467.920.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam ⁰¹	1.596.812.000	-	1.467.920.000	-
	27.204.812.000	-	27.075.920.000	-

⁰¹ Giá trị hợp lý của khoản đầu tư khác tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (mã chứng khoán: MSB) được xác định theo giá đóng cửa trên sàn HOSE tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021 lần lượt là: 2.759.689.600 VND và 4.582.000.000 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư còn lại do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải	Số 01 A Phan Châu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	20,00%	20,00%	Dịch vụ công nghiệp hàng hải

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	16,68%	16,68%	Kinh doanh xếp dỡ kho bãi, vận chuyển đường biển
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	Số 54A đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	0,02%	0,02%	Ngân hàng, tài chính

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty TNHH Quốc tế Thuận Đạt	22.297.594.207	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Đại Việt Logistic	10.178.143.252	-	-	-
Công ty TNHH Maersk Việt Nam	8.690.508.883	(68.760)	5.001.265.307	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế và Xuất nhập khẩu DHT Bình Định	4.272.839.498	-	7.020.005.105	-
Công ty TNHH Thương mại Quý Phước	12.912.358.360	-	7.488.987.224	-
Công ty Cổ phần Vận tải - Thương mại Toàn Linh	-	-	6.028.956.863	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	167.149.961.895	(7.051.434.895)	143.548.378.693	(5.849.593.889)
	<u>225.501.406.095</u>	<u>(7.051.503.655)</u>	<u>169.087.593.192</u>	<u>(5.849.593.889)</u>
b) Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>1.684.267.688</u>	<u>-</u>	<u>3.688.911.907</u>	<u>-</u>

(Chi tiết xem tại thuyết minh số 37)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo người bán có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình thủy	20.586.858.600	-	-	-
Công ty Cổ Phần Xây dựng Công trình thủy Hà Nội	11.814.300.010	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	11.682.050.384	-	-	-
Công ty Cổ Phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Kim	1.478.245.543	-	4.636.656.767	-
Công ty Cổ Phần Unico Vina	1.935.741.700	-	517.000.000	-
Công ty Cổ Phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	-	-	1.515.356.926	-
Công ty TNHH Tổng hợp và Thương mại Quang Minh	-	-	1.670.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải biển Tiến Đạt	243.853.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	4.073.382.328	-	6.672.626.455	-
	51.814.431.565	-	15.011.640.148	-
b) Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan	1.064.735.300	-	1.515.356.926	-

(Chi tiết xem tại thuyết minh số 37)

C.P. H. H. H.

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về tạm ứng	1.141.033.200	-	788.033.200	-
Phải thu về tiền BHXH	378.776.231	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	68.200.000	-	-	-
Phải thu khác	7.042.540.368	-	3.328.794.522	-
- Lãi tiền gửi dự thu	5.229.068.495	-	3.328.794.522	-
- Phải thu Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP tiền thương do hoàn thành dịch vụ trước hạn	1.712.246.689	-	-	-
- Các đối tượng khác	101.225.184	-	-	-
	<u>8.630.549.799</u>	-	<u>4.116.827.722</u>	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	7.448.273.000	-	101.000.000	-
	<u>7.448.273.000</u>	-	<u>101.000.000</u>	-

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty Cổ phần Nhựa dương Minh Đạt	1.124.802.348	100.581.540	1.124.802.348	404.495.064
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Hoàng Ngọc	1.564.062.444	905.530.271	1.580.302.881	938.560.696
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tiến Phước	192.855.766	134.999.036	1.320.829.326	753.081.761
Hợp tác xã vận tải ô tô Bình Minh	656.207.802	-	656.207.802	196.862.341
Công ty TNHH MTV Bảo Châu Phú Yên	-	-	17.433.152	8.716.576
Các đối tượng khác	9.107.056.490	4.452.370.348	5.486.309.904	2.034.575.087
	<u>12.644.984.850</u>	<u>5.593.481.195</u>	<u>10.185.885.413</u>	<u>4.336.291.524</u>

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	19.676.873.423	-	16.188.402.075	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.716.316	-	1.883.504.754	-
Hàng hoá	1.075.397.528	-	1.014.338.351	-
	<u>20.764.987.267</u>	<u>-</u>	<u>19.086.245.180</u>	<u>-</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	335.191.597	266.515.965
Công cụ dụng cụ xuất dùng	16.246.938.491	1.702.850.984
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	17.560.111.020	745.387.929
Chi phí khác	778.329.777	345.312.316
	<u>34.920.570.885</u>	<u>3.060.067.194</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	5.601.984.708	8.816.391.254
Chi phí thực hiện di dời giải phóng mặt bằng	108.721.715	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.301.266.755	2.531.467.052
	<u>9.011.973.178</u>	<u>11.347.858.306</u>

II. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	550.951.931.181	188.157.147.668	342.230.498.172	6.059.765.690	1.087.399.342.711
- Mua trong năm	-	2.304.636.920	3.789.949.636	3.329.986.636	9.424.573.192
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	25.639.577.001	-	-	-	25.639.577.001
- Thanh lý, nhượng bán	(7.558.485.750)	(614.786.751)	(1.517.893.157)	-	(9.691.165.638)
Số dư cuối năm	569.033.022.432	189.846.997.857	344.502.554.651	9.389.752.326	1.112.772.327.266
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	527.196.392.822	51.452.108.893	294.335.487.099	5.440.591.749	878.424.580.563
- Khấu hao trong năm	12.550.535.090	16.303.242.128	13.944.655.186	280.682.359	43.079.114.763
- Thanh lý, nhượng bán	(7.394.460.872)	(527.142.821)	(1.517.893.157)	-	(9.439.496.850)
Số dư cuối năm	532.352.467.040	67.228.208.200	306.762.249.128	5.721.274.108	912.064.198.476
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	23.755.538.359	136.705.038.775	47.895.011.073	619.173.941	208.974.762.148
Tại ngày cuối năm	36.680.555.392	121.618.789.657	37.740.305.523	3.668.478.218	200.708.128.790

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 527.511.365.783 VND.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán, phần mềm văn phòng	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	7.440.542.311	7.440.542.311
- Mua trong năm	2.038.191.111	2.038.191.111
- Thanh lý, nhượng bán	(991.122.311)	(991.122.311)
Số dư cuối năm	<u>8.487.611.111</u>	<u>8.487.611.111</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	5.654.185.731	5.654.185.731
- Khấu hao trong năm	645.697.534	645.697.534
- Thanh lý, nhượng bán	(813.942.376)	(813.942.376)
Số dư cuối năm	<u>5.485.940.889</u>	<u>5.485.940.889</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	<u>1.786.356.580</u>	<u>1.786.356.580</u>
Tại ngày cuối năm	<u>3.001.670.222</u>	<u>3.001.670.222</u>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.030.612.311 VND.

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	10.051.849.861	15.709.342.306
- Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp bãi cont số 2	-	10.173.099.033
- Dự án sửa chữa, cải tạo hạ tầng đường bãi sau bến - Cảng Quy Nhơn ⁽¹⁾	5.076.760.180	-
- Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bến số 1 ⁽¹⁾	3.667.392.109	334.640.000
- Đầu tư hệ thống kiểm tra rà soát hệ thống vào cổng thu phí	-	46.727.272
- Công trình xây dựng cửa hàng xăng dầu	109.090.909	4.467.096.906
- Khảo sát quy hoạch bãi hàng	572.159.095	572.159.095
- Các công trình khác	626.447.568	115.620.000
Mua sắm tài sản cố định	793.181.818	667.380.000
- Nâng cấp phần mềm quản lý	793.181.818	667.380.000
	<u>10.845.031.679</u>	<u>16.376.722.306</u>

⁽¹⁾ Thông tin về dự án duy tu, sửa chữa, cải tạo hạ tầng đường bãi sau bến - Cảng Quy Nhơn như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Tổng mức đầu tư: 10.944.864.000 VND;
- Địa điểm thực hiện: trong phạm vi cảng Quy Nhơn hiện hữu, thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Mục tiêu đầu tư: thực hiện duy tu, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bãi sau bến nhằm đảm bảo duy trì hoạt động của bãi, đáp ứng nhu cầu hoạt động khai thác;
- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: toàn bộ là vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn;
- Đến nay, dự án đã hoàn thành các công việc như: tư vấn, khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, thi công

phần bê tông của hạng mục đường kết nối ra cầu 1, hoàn cải 03 trụ đèn cũ, chế tạo và tập kết xong 03 giá đỡ trụ đèn. Dự án vẫn đang trong quá trình thi công các hạng mục tiếp theo.

⁽⁹⁾ Thông tin về dự án đầu tư xây dựng nâng cấp bên số 1 như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn
- Địa điểm thực hiện: Cảng Quy Nhơn, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
- Mục tiêu đầu tư: nâng cấp bên số 1 bằng cách mở rộng ra phía khu nước bên số 1 hiện hữu thêm dự kiến 35m, chiều dài 48m đảm bảo tiếp nhận đồng thời 02 tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải, đồng thời kết cấu bên được tính toán thiết kế đảm bảo cho tàu container 50.000 tấn (DWT) đầy tải trong giai đoạn sau; nạo vét khu nước, vũng quay tàu, đáp ứng cho tàu 30.000 tấn (DWT) đầy tải neo đậu phía ngoài (phía Đông) và tàu lai, ca nô công vụ neo đậu phía trong (phía Tây) tại đoạn nhô ra khỏi bờ 175m phía thượng lưu; giai đoạn sau nạo vét khu nước, vũng quay tàu đáp ứng cho tàu 50.000 tấn (DWT).
- Đến nay, dự án đã thực hiện xong các công việc lập quy hoạch dự án, thẩm định dự án, khảo sát địa chất.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ Phần Unico Vina	4.807.536.250	4.807.536.250	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	13.658.879.300	13.658.879.300	2.731.775.860	2.731.775.860
Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Phúc Vinh	11.743.920.177	11.743.920.177	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hoàng Kim	1.039.306.916	1.039.306.916	6.448.583.187	6.448.583.187
Công ty TNHH Vận tải Tuấn Kiệt	4.683.563.384	4.683.563.384	-	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải Phúc Trường Linh	4.338.364.516	4.338.364.516	3.245.000.000	3.245.000.000
Công ty TNHH Tổng hợp và Thương mại Quang Minh	13.532.293.911	13.532.293.911	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	85.886.574.029	85.886.574.029	18.576.497.626	18.576.497.626
	<u>139.690.438.483</u>	<u>139.690.438.483</u>	<u>31.001.856.673</u>	<u>31.001.856.673</u>
b) Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan	<u>1.013.176.462</u>	<u>1.013.176.462</u>	<u>1.111.072.149</u>	<u>1.111.072.149</u>
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)				

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH CLIO shipping and logistics VN - INC	820.891.840	-
Công ty TNHH Cosco shipping lines Việt Nam	181.976.366	-
Công ty TNHH Sản xuất dăm gỗ Bình Định	151.012.639	-
Công ty TNHH Archer Daniels Midland Việt Nam	107.941.483	-
Phải trả cho các đối tượng khác	1.328.758.273	2.828.528.564
	<u>2.590.580.601</u>	<u>2.828.528.564</u>

Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.098.435.183	34.429.593.412	35.528.028.595	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	17.492.977.782	82.577.524.418	81.235.976.529	-	18.834.525.671
Thuế thu nhập cá nhân	-	783.622.680	5.214.162.037	4.335.877.275	-	1.661.907.442
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	9.277.548.691	13.182.182.149	3.904.633.458	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	-	19.375.035.645	131.503.828.558	134.287.064.548	3.904.633.458	20.496.433.113

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	4.075.276.747	42.788.150.988
Chi phí thuê tàu lai	545.800.000	545.800.000
Chi phí phải trả khác	61.500.000	173.762.164
	<u>4.682.576.747</u>	<u>43.507.713.152</u>

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	67.099.798	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.339.125.161	3.166.447.196
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	45.324.598	584.100.198
- Tiền tạm thu ⁽ⁱ⁾	1.133.250.000	1.133.250.000
- Thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ của cán bộ, công nhân viên	992.839.637	1.449.096.998
- Phải trả, phải nộp khác	167.710.926	-
	<u>2.406.224.959</u>	<u>3.166.447.196</u>

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản ghi nhận tương ứng với số tiền mà Công ty đã tạm thu vào quỹ của Bà Phạm Thị Thúy Linh và theo dõi như một khoản phải trả để chờ kết quả cuối cùng của việc giải quyết tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ với Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long, sau đó Công ty sẽ thực hiện thanh toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (xem tại Thuyết minh số 34).



19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	404.099.500.000	65.850.705.829	107.154.818.112	577.105.023.941
Lãi trong năm trước	-	-	113.217.419.099	113.217.419.099
Chưa cổ tức	-	-	(64.655.920.000)	(64.655.920.000)
Trích lợi nhuận để lại năm 2018 để thực hiện nộp vào Ngân sách Nhà nước theo Kết luận của Thanh tra Chính phủ số 1566/TT-CP ngày 17/09/2018	-	-	(5.236.000.000)	(5.236.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(18.755.000.000)	(18.755.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	20.661.000.000	(20.661.000.000)	-
Số dư cuối năm trước	404.099.500.000	86.511.705.829	111.064.317.211	601.675.523.040
Lãi trong năm nay	-	-	330.872.789.968	330.872.789.968
Chưa cổ tức	-	-	(68.696.915.000)	(68.696.915.000)
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	(682.000.000)	(682.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(19.928.239.246)	(19.928.239.246)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	23.444.987.347	(23.444.987.347)	-
Số dư cuối năm nay	404.099.500.000	109.956.693.176	39.184.965.596	843.241.158.762

Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCD ngày 09/06/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2020		111.064.317.211
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	0,61%	682.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	17,94%	19.928.239.246
Trích quỹ đầu tư phát triển	21,11%	23.444.987.347
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.700 VND)	17%/cổ phần	68.696.915.000

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	303.122.620.000	75,01%	303.122.620.000	75,01%
Các cổ đông khác	100.976.880.000	24,99%	100.976.880.000	24,99%
	404.099.500.000	100%	404.099.500.000	100%

e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	404.099.500.000	404.099.500.000
- Vốn góp cuối năm	404.099.500.000	404.099.500.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	584.100.198	56.507.898
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	68.696.915.000	64.655.920.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	68.696.915.000	64.655.920.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	69.235.690.600	64.128.327.700
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	69.235.690.600	64.128.327.700
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	45.324.598	584.100.198

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.409.950	40.409.950
- Cổ phiếu phổ thông	40.409.950	40.409.950
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.409.950	40.409.950
- Cổ phiếu phổ thông	40.409.950	40.409.950
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	109.956.693.176	86.511.705.829
	<u>109.956.693.176</u>	<u>86.511.705.829</u>

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
USD	1.084.820,27	115.695,68

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty đang thuê đất của Nhà nước theo các hợp đồng sau:

	Số hợp đồng	Địa điểm	Diện tích	Thời hạn, hình thức thuê	Mục đích sử dụng
1	HD số 54/HĐ-TĐBS ngày 10/04/2020	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	208.888,05 m ²	Từ 01/01/1996 đến 31/12/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng văn phòng làm việc và dịch vụ cảng
2	HD số 306/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	3.923,2 m ²	Từ 22/08/2002 đến 01/01/2046, thuê đất trả tiền hàng năm	Mở rộng Cảng Quy Nhơn
3	HD số 307/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	35.937,3 m ²	Từ 19/11/2001 đến 19/11/2051, thuê đất trả tiền hàng năm	Nâng cấp, phát triển Cảng Quy Nhơn
4	HD số 308/HĐ-TĐBS ngày 31/12/2013	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	38.824,4 m ²	Từ 13/04/2006 đến 13/04/2056, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng, mở rộng Cảng Quy Nhơn
5	HD số 19/HĐTD ngày 24/01/2019	Phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	813,3 m ²	Từ 01/11/2013 đến 13/04/2056, thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trạm cấp nước tàu biển

Theo các hợp đồng thuê đất nêu trên, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	168.747.930.836	122.291.011.909
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.142.478.329.438	712.267.107.172
	1.311.226.260.274	834.558.119.081
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết xem tại thuyết minh số 37)	15.294.001.105	24.476.521.831

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	427.096.203	3.178.593.932
Hàng bán bị trả lại	-	758.090.000
Giảm giá hàng bán	-	15.470.760
	427.096.203	3.952.154.692

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	147.545.709.744	118.132.268.081
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	674.504.953.547	513.274.998.693
	822.050.663.291	631.407.266.774
Trong đó: Giá vốn với các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	4.475.833.333	24.776.414.235
Trong đó:		
+ Đã kết chuyển vào giá vốn hàng bán	4.475.833.333	24.776.414.235
+ Còn tồn kho	-	-
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)		

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.760.950.296	14.710.641.364
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.260.000.000	4.080.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	311.134.137	348.599.843
	18.332.084.433	19.139.241.207

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	557.465.811	180.680.637
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối năm	230.181.485	46.908.257
	787.647.296	227.588.894

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.519.019.639	4.765.020.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.244.869.035	4.285.560.370
	10.763.888.674	9.050.581.176

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.392.111.502	4.038.752.863
Chi phí nhân công	41.626.476.256	35.846.084.609
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	7.350.033.689	5.274.932.403
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.436.679.303	2.381.284.703
Thuế, phí và lệ phí	2.001.102.159	2.561.016.295
Chi phí dự phòng	1.201.909.766	2.029.916.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.077.925.294	14.481.631.861
Chi phí khác bằng tiền	1.967.856.766	1.955.469.199
	75.054.094.735	68.569.088.145

Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp
mua của bên liên quan
(Chi tiết xem tại thuyết minh số 37)

150.000.000

4.909.090

28. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	424.690.909	2.520.074.179
Thu nhập từ tiền bồi thường	-	73.531.860
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP tiền thưởng do hoàn thành dịch vụ trước hạn	1.712.246.689	-
Các khoản khác	201.762.542	166.788.671
	2.338.700.140	2.760.394.710

29. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí tháo dỡ, cải tạo tường rào, nhà vệ sinh, nhà để xe	1.121.835.025	195.475.455
Chi phí đi dòi hàng hóa tại Cảng	-	197.640.600
Chi ủng hộ quỹ Vaccine phòng Covid-19	6.000.000.000	-
Chi ủng hộ, tài trợ máy đo nồng độ O2 và máy đo huyết áp phục vụ công tác phòng chống dịch Covid-19	561.904.762	-
Chi phí phạt hợp đồng thuê cầu do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn	1.545.600.000	-
Chi phí khác	134.000.475	147.562.381
	9.363.340.262	540.678.436

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	413.450.314.386	146.717.914.518
Các khoản điều chỉnh tăng	3.697.307.705	4.826.974.390
- <i>Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	<i>444.000.000</i>	<i>432.000.000</i>
- <i>Khấu hao xe ô tô phần nguyên giá vượt 1,6 tỷ</i>	<i>168.578.772</i>	<i>168.578.778</i>
- <i>Chi phí không được trừ khác</i>	<i>3.084.728.933</i>	<i>4.226.395.612</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.260.000.000)	(4.080.000.000)
- <i>Cổ tức được chia</i>	<i>(4.260.000.000)</i>	<i>(4.080.000.000)</i>
Thu nhập chịu thuế TNDN	412.887.622.091	147.464.888.908
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	82.577.524.418	29.492.977.782
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	17.492.977.782	13.724.315.126
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.1235.976.529)	(25.724.315.126)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	18.834.525.671	17.492.977.782

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	(Đã điều chỉnh) VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	330.872.789.968	113.217.419.099
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	330.872.789.968	113.217.419.099
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	40.409.950	40.409.950
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.188	2.802

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.596.812.000	1.596.812.000
	-	-	1.596.812.000	1.596.812.000
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư dài hạn	-	-	1.467.920.000	1.467.920.000
	-	-	1.467.920.000	1.467.920.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản trương đương tiền	104.327.380.740	-	-	104.327.380.740
Phải thu khách hàng, phải thu khác	227.080.452.239	7.448.273.000	-	234.528.725.239
Các khoản cho vay	352.000.000.000	-	-	352.000.000.000
	683.407.832.979	7.448.273.000	-	690.856.105.979
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản trương đương tiền	55.673.440.424	-	-	55.673.440.424
Phải thu khách hàng, phải thu khác	167.354.827.025	101.000.000	-	167.455.827.025
Các khoản cho vay	221.000.000.000	-	-	221.000.000.000
	444.028.267.449	101.000.000	-	444.129.267.449

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	142.096.663.442	-	-	142.096.663.442
Chi phí phải trả	4.682.576.747	-	-	4.682.576.747
	146.779.240.189	-	-	146.779.240.189
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	34.168.303.869	-	-	34.168.303.869
Chi phí phải trả	43.507.713.152	-	-	43.507.713.152
	77.676.017.021	-	-	77.676.017.021

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. NỢ TIỀM TÀNG

Ngày 14/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-KDTM ngày 12/04/2019 về tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ giữa Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long và Công ty. Tại bản án sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 14/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã đưa ra phán quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long, buộc Công ty phải có nghĩa vụ trả số tiền là 3.986.299.000 VND (gồm: số tiền 1.133.250.000 VND Công ty đang giữ và phí lai đất tàu nội, ngoại số tiền 2.853.049.000 VND), ngoài ra Công ty còn phải chịu tiền án phí 196.025.000 VND; đồng thời bác bỏ yêu cầu của Công ty về việc không chấp nhận trả số tiền 3.986.299.000 VND và yêu cầu phân tố của Công ty yêu cầu Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long phải bồi thường thiệt hại số tiền 2.453.653.625 VND.

Ngày 23/10/2019, Công ty đã gửi đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định do Công ty nhận thấy phán quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định là không phản ánh đúng bản chất khách quan của vụ án, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.

Sau hai lần vào các ngày 23/12/2019 và 05/02/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm tại Quyết định số 128/2019/QĐ-PT và Quyết định 163/2020/QĐ-PT nhưng do sự vắng mặt của bên nguyên đơn là Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long nên chưa thể tiến hành phiên tòa xét xử phúc thẩm.

Đến ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và đưa ra phán quyết tại Bản án phúc thẩm số 03/2020/KDTM-PT ngày 17/11/2020 trong đó quyết định: hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Đồng thời, hoàn trả Công ty số tiền 2.000.000 VND tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Đến ngày 11/01/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã thụ lý vụ án để tiếp tục giải quyết vụ việc theo thủ tục sơ thẩm. Vào ngày 27/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tổ chức buổi hòa giải theo thủ tục, tuy nhiên do tình hình dịch bệnh Covid-19 nên Công ty và Công ty TNHH Vận tải biển Cửu Long đều không thể tham gia.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty tiếp tục đánh giá và tin tưởng rằng Tòa án Nhân dân các cấp sẽ đưa phán quyết đúng với bản chất khách quan của vụ án và Công ty sẽ không phải gánh chịu các khoản phải thanh toán có thể dẫn đến làm giảm sút lợi ích về kinh tế từ vụ án này. Do đó, Công ty chỉ trình bày thông tin về nghĩa vụ nợ nêu trên như một khoản nợ tiềm tàng.

35. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 17/09/2018, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kết luận Thanh tra số 1566/KL.-TTCP về cổ phần hóa Cảng Quy Nhơn, theo đó Thanh tra Chính phủ đã đưa ra kết luận về một số khuyết điểm và vi phạm trong việc cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại Cảng Quy Nhơn, đồng thời nêu rõ các yêu cầu, kiến nghị xử lý về trách nhiệm, xử lý về kinh tế và xử lý về cơ chế chính sách. Đến nay, Công ty vẫn đang tiếp tục phối hợp với các bên liên quan để thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của Thanh tra Chính phủ tại Kết luận Thanh tra nêu trên. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thực hiện các kiến nghị còn lại của Thanh tra Chính phủ sẽ không còn vấn đề nào có thể sẽ ảnh hưởng đến các thông tin đang phản ánh trong báo cáo tài chính của Công ty.

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Vận tải Biển VIMC	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Vận tải Biển Container VIMC	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Logistics VIMC	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Đơn vị liên kết của Công ty mẹ
Ban Quản lý dự án chuyên ngành Hàng hải - Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn ⁽¹⁾	Cùng chung người quản lý

⁽¹⁾Từ ngày 01/10/2020, Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn không còn là bên liên quan của Công ty do kể từ ngày này Ông Nguyễn Hữu Phúc không còn là Phó tổng Giám đốc của Công ty nên Công ty và Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn không còn chung người quản lý chủ chốt.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	15.294.001.105	24.476.521.831
Công ty Vận tải Biển VIMC	9.074.014.289	14.755.432.281
Công ty Vận tải Biển Container VIMC	-	533.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	1.026.000	151.317.283
Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam- chi nhánh Quy Nhơn	6.202.827.482	9.506.184.774
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông	16.133.334	19.200.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	-	43.854.493
Mua dịch vụ	4.475.833.333	24.776.414.235
Công ty Cổ phần Logistics VIMC	4.048.333.333	2.158.333.335
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	427.500.000	267.187.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn	-	22.350.893.400

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí đào tạo	150.000.000	4.909.090
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	150.000.000	4.909.090
Chi phí Tư vấn Công trình	3.050.395.077	1.081.517.188
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	3.050.395.077	1.081.517.188

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.684.267.688	3.688.911.907
Công ty Vận tải Biển VIMC	1.543.979.705	3.253.561.848
Công ty Vận tải Biển Container VIMC	-	295.062.076
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	140.287.983	140.287.983
Phải trả cho người bán ngắn hạn	1.013.176.462	1.111.072.149
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	-	5.400.000
Công ty Cổ phần Logistics VIMC	385.000.000	385.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	470.250.000	170.156.250
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	157.926.462	550.515.899
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.064.735.300	1.515.356.926
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	-	1.515.356.926
Ban QLDA chuyên ngành Hàng hải- Chi nhánh Tổng công ty Hàng hải VN - Công ty cổ phần	1.064.735.300	-

Thù lao, tiền lương, thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong năm như sau:

	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	96.000.000	118.940.000
Ông Phan Tuấn Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	909.462.238	902.325.028
Ông Nguyễn Quý Hà	Thành viên HĐQT	636.105.140	759.051.377
Ông Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT	31.600.000	94.940.000
Ông Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	40.400.000	36.000.000
Ông Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT	64.800.000	121.940.000
Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	72.000.000	60.000.000
Bà Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	6.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	6.000.000
Ông Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	720.217.527	837.377.122
Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	720.217.527	846.040.759
Ông Lê Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc	720.217.527	336.958.151
Ông Nguyễn Hữu Phúc	Cựu Phó Tổng Giám đốc	-	742.536.137
Ông Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng	686.719.031	791.887.738

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do điều chỉnh lại các khoản chi phí vận chuyển phát sinh tại Xí nghiệp Kinh doanh Dịch vụ tổng hợp bị ghi nhận gộp đầu từ các năm 2018 trở về trước về đúng các kỳ chi phí phát sinh. Theo đó, một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND	VND	
a) Bảng cân đối kế toán					
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27.187.188.321	43.507.713.152	16.320.524.831	(1)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	127.384.842.042	111.064.317.211	(16.320.524.831)	(1)
b) Báo cáo kết quả kinh doanh					
- Giá vốn hàng bán	11	627.399.749.137	631.407.266.774	4.007.517.637	(2)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	146.717.914.518	142.710.396.881	(4.007.517.637)	(2)
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	117.224.936.736	113.217.419.099	(4.007.517.637)	(2)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.901	2.802	(99)	(2)
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
- Lợi nhuận trước thuế	01	146.717.914.518	142.710.396.881	(4.007.517.637)	(3)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.598.510.127	14.606.027.764	4.007.517.637	(3)

(1): Điều chỉnh tăng khoản mục Chi phí phải trả tương ứng với chi phí vận chuyển các năm trước ghi nhận thiếu (do trước đây Công ty ghi nhận chi phí gộp đầu qua các năm). Đồng thời, điều chỉnh giảm khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2020 do ảnh hưởng của các điều chỉnh nêu trên;

(2): Điều chỉnh tăng khoản mục Giá vốn hàng bán tương ứng với chi phí vận chuyển ghi nhận thiếu của năm 2020;

(3): Điều chỉnh Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2020 do ảnh hưởng của điều chỉnh (1) và (2).

Hào

Nguyễn Thị Hào
Người lập biểu

Toàn

Nguyễn Kim Toàn
Kế toán trưởng



Phan Tuấn Linh
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 10 tháng 03 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG QUY NHƠN**

Số: 151 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua phương án Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2021, kế hoạch cổ tức năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ Phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty thông qua ngày 09/06/2021.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và chia trả cổ tức năm 2021 như sau:

1. Phương án Phân phối lợi nhuận năm 2021

Đơn vị tính: đồng

Trích Yếu	Tỷ lệ trích	Số tiền	Ghi chú
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước 2020		(1.687.824.382)	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay 2021		330.872.789.968	
Lợi nhuận được phân phối		329.184.965.586	
a) Quỹ đầu tư phát triển	50%	165.436.000.000	
b) Quỹ phúc lợi	4,5%	15.000.000.000	(Trích theo thông tư 28/2016 của BLĐTBXH Trích tối đa 3 tháng lương thực hiện)
c) Quỹ khen thưởng	6,5%	21.500.000.000	



d) Quỹ khen thưởng Người quản lý, người điều hành doanh nghiệp		735.000.000	Trích 1,5 tháng lương thực hiện CBQL Chuyên trách
e) Tiền lợi nhuận chia cổ tức		80.819.900.000	
+ Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến/VĐL		20%	
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối đến cuối năm 2021		45.694.065.586	

2/ Chia Cổ Tức 2021:

a/ Chia cổ tức năm 2021: tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền là 20% tức là 2.000 đồng/cổ phiếu.

b/ Thời hạn chi trả: Ủy quyền Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành thực hiện chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật.

3/ Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022:

a/ Kế hoạch chia cổ tức năm 2022: tỷ lệ dự kiến chi trả cổ tức là 17%.

b/ Ủy quyền Hội đồng quản trị chỉ đạo ban điều hành thực hiện tạm ứng, chi trả cổ tức theo đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS,
- Ban tổng giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn



TỜ TRÌNH

**V/v Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
và tiền lương của cán bộ quản lý chuyên trách năm 2022**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ- CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư 28/2016/TT- BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn năm 2022;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê duyệt thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021; xem xét thông qua mức thù lao đối với cán bộ quản lý không chuyên trách (Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát) và quỹ tiền lương đối với cán bộ quản lý chuyên trách năm 2022, cụ thể như sau:

I. Phê duyệt mức thù lao, tiền lương đã chi cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021

Mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT và BKS theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021:

1. Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Cán bộ quản lý chuyên trách của Công ty năm 2021:

DVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao cán bộ QL không chuyên trách	Tiền lương cán bộ QL chuyên trách	Tổng cộng
1	Phạm Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	96.000.000		96.000.000
2	Phan Tuấn Linh	TV HĐQT, Tổng Giám đốc	72.000.000	952.129.996	1.023.445.765

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao cán bộ QL không chuyên trách	Tiền lương cán bộ QL chuyên trách	Tổng cộng
3	Lý Quang Thái	Thành viên HĐQT	31.600.000		31.600.000
4	Phạm Đăng Cao	Thành viên HĐQT	72.000.000		72.000.000
5	Nguyễn Quý Hà	Thành viên HĐQT chuyên trách	12.000.000	710.789.013	722.412.841
6	Đỗ Hùng Dương	Thành viên HĐQT	40.400.000		40.400.000
7	Lại Huy Hoàng	Phó Tổng Giám đốc		818.808.746	818.243.361
8	Lê Duy Dương	Phó Tổng Giám đốc		818.808.746	818.243.361
9	Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc		818.808.746	818.243.361
10	Nguyễn Kim Toàn	Kế toán trưởng		780.654.755	780.185.524
	Tổng cộng		324.000.000	4.900.000.000	5.220.774.213

2. Thù lao của Ban kiểm soát:

DVT: Đồng

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng Ban kiểm soát	72.000.000
2	Vũ Thị Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
3	Nguyễn Thị Hằng	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000
Tổng cộng			192.000.000

Trong năm 2021, tổng số tiền thù lao đã chi trả cho TVHĐQT không chuyên trách và Ban kiểm soát Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021 là: **516.000.000** đồng (Năm trăm mười sáu triệu đồng). Trong đó:

- Tổng mức thù lao đã chi cho Thành viên HĐQT không chuyên trách là: **324.000.000** đồng (Ba trăm hai mươi bốn triệu đồng).

- Tổng mức thù lao đã chi cho Ban kiểm soát là: **192.000.000** đồng (Một trăm chín mươi hai triệu đồng).

II. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao đối với cán bộ quản lý Công ty năm 2022:

2.1. Thù lao cán bộ quản lý Công ty không chuyên trách năm 2022:

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Nhà nước

và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước.

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, yêu cầu công tác quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh năm 2022.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao của cán bộ quản lý Công ty không chuyên trách là thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022, cụ thể như sau:


STT	Chức danh	Mức thù lao (đồng/người/tháng)
I	Hội đồng quản trị	
1	Chủ tịch	10.000.000
2	Thành viên HĐQT	8.000.000
II	Ban kiểm soát	
1	Trưởng Ban kiểm soát	8.000.000
2	Thành viên Ban kiểm soát	6.000.000

2.2. Quỹ tiền lương kế hoạch của cán bộ quản lý chuyên trách năm 2022 (bao gồm người quản lý chuyên trách là người đại diện vốn và người không đại diện vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam):

- Người quản lý chuyên trách bình quân: **5 người**
- Mức tiền lương bình quân: **68 triệu đồng/người/tháng**
- Quỹ tiền lương kế hoạch: **4.080 triệu đồng**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.


Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận: 

- Đại hội đồng cổ đông;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu: VT, NPTQTCT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Phạm Anh Tuấn

Số: 01 /TTr-CQN.BKS

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

Căn cứ:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Điều lệ của Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 9/6/2021;

Thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn:

Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán năm 2022 và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng, tiến độ và phạm vi kiểm toán.


2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán và danh sách các công ty kiểm toán theo đề xuất nêu trên, ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn phù hợp quy định hiện hành.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên; 
- HĐQT, Ban TGD;
- NPTQT Cty;
- Lưu: VT, BKS.



Số: 153 /TTr-HĐQT

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 CTCP Cảng Quy Nhơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty như sau:

Mã Ngành	Tên Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh
5012	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

ĐHĐCĐ thống nhất giao và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Người đại diện theo pháp luật Thực hiện các thủ tục cần thiết để hoàn thành việc bổ sung ngành nghề kinh doanh bao gồm nhưng không giới hạn: Cập nhật, bổ sung ngành nghề kinh doanh vào Bản Điều lệ Công ty, thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty tại cơ quan có thẩm quyền.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua !

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- Như trên;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Ban Điều hành Cty;
- Lưu: VT, Ng PTQT Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Chữ ký]
Phạm Anh Tuấn

Số: 157/ TTr- ĐHĐCĐ

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Vừa qua, Các thành viên HĐQT là Ông Nguyễn Quý Hà, Ông Phan Tuấn Linh, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (cổ đông nắm giữ 75,01% vốn điều lệ) đã có Quyết định thôi làm Người đại diện phần vốn, thôi tham gia làm thành viên HĐQT Công ty CP Cảng Quy Nhơn. Xét tình hình hoạt động của Công ty, theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định, thông lệ công ty đại chúng, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Quý Hà, Ông Phan Tuấn Linh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Xin chân thành cảm ơn

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS,
- Ban tổng giám đốc;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn

Số: 155/TTr- ĐHĐCĐ

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023


Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Vừa qua, thành viên BKS là Bà Nguyễn Thị Hằng đã có Quyết định của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thôi cử làm thành viên BKS Công ty CP Cảng Quy Nhơn. Xét tình hình hoạt động của Công ty, để tăng cường nhân sự cho BKS cũng như trên cơ sở phù hợp với Điều lệ và thông lệ về quản trị công ty đại chúng, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ việc miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với Bà Nguyễn Thị Hằng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận: 

- Như trên
- HĐQT, BKS,
- Ban tổng giám đốc;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Anh Tuấn

Số: 156/ TTr- ĐHĐCĐ

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v **Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

1. Bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 như sau:

- Số lượng thành viên HĐQT : 02 người
- Nhiệm kỳ : 2018 – 2023
- Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

2. Thông qua danh sách ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Ông Nguyễn Thành Nam;
- Ông Lê Hồng Quân.

Các nội dung khác liên quan đến bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 được áp dụng theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét

Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS,
- Ban tổng giám đốc;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Anh Tuấn

TRÍCH NGANG LÝ LỊCH CÁN BỘ ỨNG CỬ TVHĐQT

Họ và tên	Năm sinh	Quê Quán	Trình độ			Chức vụ	Quá trình công tác
			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Chính trị		
Lê Hồng Quân	30/4/1977	Phú Thọ	- Kỹ sư công nghệ thông tin - Cử nhân Kế toán	Tiếng Anh	Trung cấp	Trưởng Ban Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải	- 4/2000 – 6/2002 : Lập trình viên Công ty TNHH Tùng Lâm - 6/2002 – 2/2004 : Nhân viên quản trị mạng Công ty CP Du lịch Sài Gòn – Hạ Long - 2/2004 – 11/2007 : Tổ trưởng Tổ Tin học, Phòng Kế hoạch thương vụ Công ty CP Cảng Quảng Ninh - 11/2007- 5/2010 : Trưởng Phòng Kinh doanh thương vụ Công ty CP Đầu tư Cảng Cái Lân. - 5/2010 – 4/2015 : Giám đốc Khai thác Công ty TNHH cảng container quốc tế Cái Lân. - 4/2015 - 11/2016 : Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH công trình Long River. - 11/2016 – 5/2017 : Cán bộ Ban Quản lý Cảng biển & Dịch vụ Hàng hải Tổng công ty. - 5/2017 - 8/2020 : Tổng giám đốc Công ty TNHH Cảng Container Quốc tế Cái Lân - 8/2020 - nay: Trưởng Ban Cảng biển và Dịch vụ Hàng hải VIMC



Nguyễn Thành Nam	20/9/1976	Bình Định	-Cử nhân Quản trị kinh doanh	CN Tiếng Anh	Trung cấp	<p>- Từ tháng 03/2000 đến ngày 12/2001: Cán bộ Điều độ đi ca thuộc Trung tâm Điều độ Xếp dỡ, Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn.</p> <p>- Từ tháng 01/2002 đến tháng 04/2007: Nhân viên Định mức Phòng Tổ chức Tiền lương, Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn.</p> <p>- Từ tháng 06/2007 đến tháng 04/2011: Phó Trưởng Phòng Tổ chức Tiền lương; Công ty TNHH một thành viên Cảng Quy Nhơn.</p> <p>- Từ tháng 05/2011 đến tháng 07/2016: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính; Cảng Quy Nhơn.</p> <p>- Từ tháng 08/2016 đến tháng 09/2016: Phó trưởng Phòng Tổ chức Hành chính, Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.</p> <p>- Từ tháng 10/2016 đến 08/2017: Quyền Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.</p> <p>- Từ ngày 01/09/2017 đến ngày 01/01/2020: Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.</p> <p>- Từ ngày 02/01/2020 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Quy Nhơn.</p>
------------------	-----------	-----------	------------------------------	--------------	-----------	--



Số: 157/TT-ĐHĐCĐ

Quy Nhơn, ngày 27 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn.
- Căn cứ Văn bản số 288/HHVN-TCNS ngày 27/6/2022 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam gửi Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cảng Quy Nhơn giới thiệu cán bộ tham gia HĐQT, BKS Cảng Quy Nhơn;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua vấn đề sau:

1. Bầu cử Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 như sau:

- Số lượng thành viên BKS : 01 người
- Nhiệm kỳ : 2018 – 2023
- Số lượng ứng viên BKS tối đa : Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia BKS (Theo Điều 169 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

2. Thông qua danh sách ứng viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Bà Phan Thị Mai.

Các nội dung khác liên quan đến bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 được áp dụng theo Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét
Xin chân thành cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- HĐQT, BKS,
- Ban tổng giám đốc;
- Lưu: VT, TCKT.





TRÍCH NGANG LÝ LỊCH CÁN BỘ ỨNG CỬ TV BKS

Họ và tên	Năm sinh	Quê Quán	Trình độ			Chức vụ	Quá trình công tác
			Chuyên môn	Ngoại ngữ	Chính trị		
Phan Thị Mai	15/9/1986	Nghệ An	Cử nhân Kinh tế	Anh văn		Chuyên viên Ban TCNS	- 12/2008 - 03/2014: Cán bộ phòng Tổ chức Hành chính công ty Kinh doanh Xăng dầu Vinalines phía Bắc - 03/2014 - nay: Chuyên viên Ban Tổ chức nhân sự Tổng công ty Hàng hải Việt Nam